



Số: 68/2026/EIB/CBTT-NĐDPL
No: 68/2026/EIB/CBTT-NĐDPL

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 23, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG *EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: *State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”)
Bank’s name: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (“Eximbank”)
 - Mã chứng khoán: EIB
Stock code: EIB
 - Địa chỉ: Số 27 - 29 Lý Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address: No. 27 - 29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi City, Vietnam
 - Điện thoại liên hệ: (024) 73001155
Phone: (024) 73001155
 - E-mail: vphdqt@eximbank.com.vn
E-mail: vphdqt@eximbank.com.vn
 - Website: <https://www.eximbank.com.vn>
Website: https://www.eximbank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure:*

Báo cáo số 211/2026/EIB/BC-HĐQT ngày 23/7/2026 của HĐQT Eximbank về việc Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng năm 2026 của Eximbank.

Report No. 211/2026/EIB/BC-HĐQT dated July 23, 2026 of the Board of Directors of Eximbank on the Corporate Governance Report of Eximbank for the 6 months of 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/7/2026 tại đường dẫn <https://eximbank.com.vn/nha-dau-tu> (Mục quản trị ngân hàng).

This information was published on the Bank's website on 23/7/2026 at the link https://eximbank.com.vn/en/investors (Section: Corporate Governance).



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information./. *mon*

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- TGD, Người phụ trách QTCT (để b/c)/
CEO, The Person in Charge of
Corporate Governance (to report);
- Lưu: VT, Vp. HĐQT/
Archive: Office of Document
Administration, the BOD Office.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo số 211/2026/EIB/BC-HĐQT ngày
23/7/2026 của HĐQT Eximbank/ Report
No. 211/2026/EIB/BC-HĐQT dated July 23,
2026 of the Board of Directors of Eximbank.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT *n*
AUTHORIZED PERSON FOR
INFORMATION DISCLOSURE
CHIEF OF THE BOD OFFICE**

Nguyễn Văn Thủy



Số: 211/2026/EIB/BC-HĐQT
No: 211/2026/EIB/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 23, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY/
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng năm 2026/ 6 months of 2026)**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- **Tên công ty/Name of company:** Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam/ *Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (“Eximbank”)*.
- **Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office:** Số 27 - 29 Lý Thái Tổ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *No. 27 - 29 Ly Thai To Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi City, Vietnam.*
- **Điện thoại/Telephone:** (024) 73001155
- **Email:** vphdqt@eximbank.com.vn
- **Vốn điều lệ/ Charter capital:** 18.688.106.070.000 đồng/ 18.688.106.070.000 Vietnamese dong.
(Cổ phiếu quỹ/ *Treasury shares:* 6.090.000 cổ phiếu/ *6.090.000 shares*).
- **Mã chứng khoán/ Stock symbol:** EIB.
- **Mô hình quản trị công ty/ Governance model:** Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Tổng giám đốc (“TGD”)/ *General Meeting of Shareholders (“GMS”), Board of Directors (“BOD”), Supervisory Board (“SB”), and Chief Executive Officer (“CEO”).*
- **Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ The implementation of internal audit function:** Đã thực hiện/ *Implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders:

Trong năm 2026, Eximbank đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 28/4/2026/ *In 2026, Eximbank held the 2026 Annual General Meeting of Shareholders (AGM) on April 28, 2026.*



Trên cơ sở các báo cáo, tờ trình và qua quá trình thảo luận của cổ đông, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền và ban hành Nghị quyết như sau/ *Based on the reports, proposals, and shareholder discussions, the 2026 AGM approved matters within their respective authority and issued resolutions as follows:*

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày/ Date	Nội dung/ <i>Content</i>
01	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên/ <i>AGM Resolution</i>	28/4/2026/ <i>April 28, 2026</i>	1. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026./ <i>Approval of the Board of Management's Report on 2025 business performance and the 2026 business plan.</i> 2. Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026./ <i>Approval of the BODs' Report on corporate governance and the performance of the BOD, and each individual member of the BOD in 2025, together with 2026 orientations.</i> 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026./ <i>Approval of the Supervisory Board's 2025 Report, and the operational orientation for 2026.</i> 4. Thông qua báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Tờ trình của HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025./ <i>Approval of the audited separate and consolidated financial statements and the 2025 profit distribution plan in accordance with the Board of Management's submission on the approval of the audited separate and</i>



STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/ Decision No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
			<i>consolidated financial statements and the 2025 profit distribution plan.</i> 5. Phê duyệt tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2026 theo Tờ trình của HĐQT về việc phê duyệt tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2026./ <i>Approval of the total remuneration and operating budget of the BOD for 2026 in accordance with the BOD's submission on the approval of the total remuneration and operating budget of the BOD for 2026.</i> 6. Phê duyệt tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của BKS năm 2026 theo Tờ trình của BKS về kinh phí hoạt động và thù lao của BKS năm 2026./ <i>Approval of the total remuneration and operating budget of the SB for 2026 in accordance with the SB's submission on the operating expenses and remuneration of the SB for 2026.</i> 7. Thông qua Tờ trình của BKS về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập./ <i>Approval of the SB's proposal on the selection of independent audit firm.</i> 8. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS và người điều hành của Eximbank (“bảo hiểm D&O”)./ <i>Approval of the BOD's submission on the purchase of liability insurance for members of the BOD, members of the SB, and executives of Eximbank (“D&O insurance”).</i> 9. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc thông qua dự thảo Điều lệ và các tài liệu sửa đổi liên quan đến quản trị doanh nghiệp tại Eximbank theo Tờ trình của HĐQT về việc thông qua dự thảo Điều lệ và các tài liệu sửa



STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày/ Date	Nội dung/ <i>Content</i>
			đổi liên quan đến quản trị doanh nghiệp tại Eximbank./ <i>Approval of the BOD's submission on the approval of the draft Charter and related amendments to Eximbank's corporate governance documents in accordance with the BOD's submission on the approval of the draft Charter and related amendments to Eximbank's corporate governance documents.</i> 10. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) do có Đơn từ nhiệm, đối với: (i) Ông Nguyễn Cảnh Anh - Thành viên HĐQT; (ii) Ông Hoàng Thế Hưng - Thành viên độc lập HĐQT; (iii) Bà Đỗ Hà Phương - Thành viên HĐQT./ <i>Approval of the dismissal of members of the BOD of Eximbank for Term VIII (2025-2030) following their resignation letters, including: (i) Mr. Nguyen Canh Anh - Member of the BOD; (ii) Mr. Hoang The Hung - Independent member of the BOD; (iii) Ms. Do Ha Phuong - Member of the BOD.</i> 11. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) do có Đơn từ nhiệm, đối với: (i) Ông Nguyễn Trí Trung - Thành viên BKS; (ii) Ông Hoàng Tâm Châu - Thành viên BKS; (iii) Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn - Thành viên BKS; (iv) Bà Doãn Hồ Lan - Thành viên BKS./ <i>Approval of the dismissal of members of the SB of Eximbank for Term VIII (2025-2030) following their resignation letters, including: (i) Mr. Nguyen Tri Trung - Member of the SB; (ii) Mr. Hoang Tam Chau - Member of the SB; (iii) Mr. Lam</i>



STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/ Decision No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
			<i>Nguyen Thien Nhon - Member of the SB; (iv) Ms. Doan Ho Lan - Member of the SB.</i> 12. Thông qua việc điều chỉnh số lượng Thành viên độc lập HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) từ hai (02) lên ba (03) thành viên./ <i>Approval of the adjustment to the number of Independent members of the BOD of Eximbank for Term VIII (2025 - 2030) from two (02) to three (03) members.</i> 13. Thông qua danh sách trúng cử Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) bao gồm: (i) Ông Nguyễn Trọng Hiền - Thành viên độc lập HĐQT; (ii) Ông Nguyễn Trí Trung - Thành viên HĐQT; (iii) Ông Ho Poh Wah -Thành viên độc lập HĐQT./ <i>Approval of the list of elected members of the BOD of Eximbank for Term VIII (2025 - 2030), including: (i) Mr. Nguyen Trong Hien - Independent Member of the BOD; (ii) Mr. Nguyen Tri Trung - Member of the BOD; (iii) Mr. Ho Poh Wah - Independent member of the BOD.</i> 14. Thông qua danh sách trúng cử Thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) bao gồm: (i) Bà Phạm Thị Hồng Thu - Thành viên BKS; (ii) Bà Lưu Thúy Lan - Thành viên BKS; (iii) Bà Đỗ Thị Túy Phương - Thành viên BKS./ <i>Approval of the list of elected members of the SB of Eximbank for Term VIII (2025 - 2030), including: i) Ms. Pham Thi Hong Thu - Member of the SB; ii) Ms. Luu Thuy Lan - Member of the SB; iii) Ms. Do Thi Tuy Phuong - Member of the SB.</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ *Board of Directors (Report for 6 months of 2026):*

1. Thông tin về thành viên HĐQT/ *Information about the members of the BOD:*



1.1. HĐQT giai đoạn từ 01/01/2026 đến 28/4/2026/ *BOD during the period from January 1, 2026 to April 28, 2026:*

Stt/ No.	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII/ <i>BOD members for Term VIII</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/độc lập HĐQT / <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
1	Bà Phạm Thị Huyền Trang <i>Ms. Pham Thi Huyen Trang</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairperson</i>	04/12/2025/ <i>December 4, 2025</i>	-
		Phó Chủ tịch thường trực HĐQT/ <i>Standing Vice Chairperson</i>	30/6/2025/ <i>June 30, 2025</i>	04/12/2025/ <i>December 4, 2025</i>
		Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Member</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	-
2	Ông Nguyễn Cảnh Anh <i>Mr. Nguyen Canh Anh</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member</i>	04/12/2025/ <i>December 4, 2025</i>	28/4/2026 (*)/ <i>April 28, 2026</i>
		Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairperson</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	04/12/2025/ <i>December 4, 2025</i>
		Thành viên HĐQT/ <i>Member</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	-
3	Bà Đỗ Hà Phương <i>Ms. Do Ha Phuong</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	28/4/2026 (*)/ <i>April 28, 2026</i>
4	Ông Phạm Tuấn Anh <i>Mr. Pham Tuan Anh</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	-



Stt/ No.	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII/ <i>BOD members for Term VIII</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/độc lập HĐQT / <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
5	Ông Hoàng Thế Hưng <i>Mr. Hoang The Hung</i>	Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Member</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	28/4/2026 (*)/ <i>April 28, 2026</i>

(*) ĐHĐCĐ thường niên của Eximbank ngày 28/4/2026 thông qua việc miễn nhiệm do có Đơn từ nhiệm/ *The Annual General Meeting of Shareholders held on April 28, 2026 approved the resignation of a Board member upon receipt of his/her resignation letter.*

1.2. HĐQT giai đoạn từ 28/4/2026 đến 30/6/2026/ *BOD during the period from April 28, 2026 to June 30, 2026:*

HĐQT Eximbank tính đến ngày 30/6/2026 có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập và tất cả các thành viên đều là thành viên không điều hành, thông tin cụ thể như sau:

As of June 30, 2026, Eximbank's BOD consists of five (05) members, including three (03) independent members. All members are non-executive. Details are as follows:

Stt/ No.	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII/ <i>BOD members for Term VIII</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ độc lập HĐQT/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the BOD</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
1	Bà Phạm Thị Huyền Trang <i>Ms. Pham Thi Huyen Trang</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairperson</i>	04/12/2025/ <i>December 4, 2025</i>	-
		Phó Chủ tịch thường trực HĐQT/ <i>Standing Vice Chairperson</i>	30/6/2025/ <i>June 30, 2025</i>	04/12/2025/ <i>December 4, 2025</i>
		Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Member</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	-



Stt/ No.	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII/ <i>BOD members for Term VIII</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ độc lập HĐQT/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the BOD</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
2	Ông Phạm Tuấn Anh <i>Mr. Pham Tuan Anh</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member</i>	29/4/2025/ <i>April 29, 2025</i>	-
3	Ông Nguyễn Trí Trung <i>Mr. Nguyen Tri Trung</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member</i>	28/4/2026/ <i>April 28, 2026</i>	-
4	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>	Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Member</i>	28/4/2026/ <i>April 28, 2026</i>	-
5	Ông Ho Poh Wah <i>Mr. Ho Poh Wah</i>	Thành viên độc lập HĐQT/ <i>Independent Member</i>	28/4/2026/ <i>April 28, 2026</i>	-

2. Các cuộc họp HĐQT/ *Meetings of the BOD:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã tổ chức 02 cuộc họp HĐQT và tổ chức 108 lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản/ *During the first 6 months of 2026, the BOD held 02 BOD meetings and conducted 108 rounds of written consultation with BOD members.*

2.1 HĐQT giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 28/4/2026/ *The Board of Directors for the period from January 1, 2026 to April 28, 2026*

- Tổ chức 01 cuộc họp HĐQT/ *01 meeting of the BOD was held.*
- Tổ chức 86 lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản/ *86 rounds of written consultation were conducted with the Board members.*
- Ban hành 87 Nghị quyết/ *87 Resolutions were issued.*

a) Tổng kê cuộc họp HĐQT/ *Summary of BOD' Meetings:*

STT No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meeting attended by BOD</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendane rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
1	Bà Phạm Thị Huyền Trang <i>Ms. Pham Thi Huyen Trang</i>	01/01	100%		



STT No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meeting attended by BOD</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendane rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
2	Ông Nguyễn Cảnh Anh <i>Mr. Nguyen Canh Anh</i>	01/01	100%		
3	Bà Đỗ Hà Phương <i>Ms. Do Ha Phuong</i>	01/01	100%		
4	Ông Phạm Tuấn Anh <i>Mr. Pham Tuan Anh</i>	01/01	100%		
5	Ông Hoàng Thế Hưng <i>Mr. Hoang The Hung</i>	01/01	100%		

b) **Thống kê tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản/ *Summary of Written Consultations of the BOD:***

STT No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số lần tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Number of times participated in written consultation</i>	Tỷ lệ tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Participation rate in written consulation</i>	Lý do không tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Reason for not participating in written consultation</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
1	Bà Phạm Thị Huyền Trang <i>Ms. Pham Thi Huyen Trang</i>	86/86	100%		
2	Ông Nguyễn Cảnh Anh <i>Mr. Nguyen Canh Anh</i>	86/86	100%		
3	Bà Đỗ Hà Phương <i>Ms. Do Ha Phuong</i>	86/86	100%		
4	Ông Phạm Tuấn Anh <i>Mr. Pham Tuan Anh</i>	86/86	100%		



STT No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số lần tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Number of times participated in written consultation</i>	Tỷ lệ tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Participation rate in written consultation</i>	Lý do không tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Reason for not participating in written consultation</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
5	Ông Hoàng Thế Hưng <i>Mr. Hoang The Hung</i>	85/86	98,84%	Không phản hồi phiếu lấy ý kiến trong thời hạn quy định/ <i>Did not submit a response to the written voting ballot within the prescribed timeframe.</i>	

2.2 HĐQT giai đoạn từ ngày 28/4/2026 đến ngày 30/6/2026/ *The Board of Directors for the period from April 28, 2026 to June 30, 2026*

- Tổ chức 01 cuộc họp HĐQT/ *01 meeting of the BOD was held.*
- Tổ chức 22 lần lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản/ *22 rounds of written consultation were conducted with the Board members.*
- Ban hành 29 Nghị quyết/ *29 Resolutions were issued.*

a) Thống kê cuộc họp HĐQT/ *Summary of BOD' Meetings:*

STT No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meeting attended by BOD</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendane rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
1	Bà Phạm Thị Huyền Trang <i>Ms. Pham Thi Huyen Trang</i>	01/01	100%		
2	Ông Phạm Tuấn Anh <i>Mr. Pham Tuan Anh</i>	01/01	100%		
3	Ông Nguyễn Trí Trung <i>Mr. Nguyen Tri Trung</i>	01/01	100%		
4	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>	01/01	100%		



STT No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director'</i> <i>member</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of</i> <i>meeting</i> <i>attended by</i> <i>BOD</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendane</i> <i>rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons</i> <i>for absence</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
5	Ông Ho Poh Wah <i>Mr. Ho Poh Wah</i>	01/01	100%		

b) **Thống kê tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản/ *Summary of Written Consultations of the BOD:***

STT No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board</i> <i>of Director'</i> <i>member</i>	Số lần tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Number</i> <i>of times</i> <i>participated in</i> <i>written</i> <i>consultation</i>	Tỷ lệ tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Participation</i> <i>rate in</i> <i>written</i> <i>consultation</i>	Lý do không tham gia lấy ý kiến bằng văn bản/ <i>Reason for</i> <i>not</i> <i>participating</i> <i>in written</i> <i>consultation</i>	Ghi chú/ <i>Notes</i>
1	Bà Phạm Thị Huyền Trang <i>Ms. Pham Thi Huyen Trang</i>	22/22	100%		
2	Ông Phạm Tuấn Anh <i>Mr. Pham Tuan Anh</i>	22/22	100%		
3	Ông Nguyễn Trí Trung <i>Mr. Nguyen Tri Trung</i>	22/22	100%		
4	Ông Nguyễn Trọng Hiền <i>Mr. Nguyen Trong Hien</i>	22/22	100%		
5	Ông Ho Poh Wah <i>Mr. Ho Poh Wah</i>	22/22	100%		

3. **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc (Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc)/ *Supervising the Board of Management (Chief Executive Officer and Deputy Chief Executive Officer) by the BOD:***

Trong năm 2026, Eximbank tiếp tục hoàn thiện Khung quản trị doanh nghiệp, qua đó xác lập rõ vai trò, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp quản trị và điều hành, bảo đảm sự phân định minh bạch giữa chức năng quản trị, giám sát của HĐQT và chức năng điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành. Theo đó, HĐQT tập trung thực hiện vai trò định hướng chiến lược và giám sát theo quy định của Luật Các



tổ chức tín dụng, Điều lệ Eximbank và các quy định nội bộ của Ngân hàng; đồng thời giám sát việc triển khai chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm, việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ pháp luật và bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả của Ngân hàng. Việc phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp quản trị và điều hành góp phần tăng cường trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực và hạn chế các rủi ro phát sinh từ sự chồng chéo hoặc chưa rõ ràng về thẩm quyền/ *In 2026, Eximbank continued to strengthen its Corporate Governance Framework, thereby clearly defining the roles, functions, authorities, and responsibilities of the governance and executive levels, while ensuring a transparent separation between the BOD governance and supervisory functions and the management functions of the Chief Executive Officer and the BOM. Accordingly, the BOD focused on fulfilling its strategic oversight and supervisory responsibilities in accordance with the Law on Credit Institutions, the Eximbank Charter, and the Bank's internal regulations. The BOD supervised the implementation of the Bank's development strategy, annual business and financial plans, the execution of resolutions of the GMS and the BOD, as well as risk management, internal control, regulatory compliance, and the safe and effective operation of the Bank. The clear delineation of responsibilities between the governance and executive levels strengthened accountability, enhanced checks and balances, and mitigated risks arising from overlapping duties or unclear authorities.*

Hoạt động giám sát của HĐQT được triển khai toàn diện, chặt chẽ và kịp thời, thông qua các hình thức chủ yếu sau/ *The BOD's supervisory activities were implemented comprehensively, rigorously and in a timely manner through the following key mechanisms:*

- Giám sát thông qua hệ thống báo cáo quản trị và điều hành: HĐQT thường xuyên xem xét các báo cáo định kỳ và đột xuất của Ban Điều hành về tình hình hoạt động kinh doanh, tín dụng, huy động vốn, chất lượng tài sản, quản trị rủi ro, thanh khoản, an toàn vốn và các vấn đề trọng yếu khác của Ngân hàng; đồng thời yêu cầu Ban Điều hành giải trình, làm rõ các nội dung cần thiết để kịp thời đưa ra chỉ đạo phù hợp/ *Supervision through management and operational reporting systems: The BOD regularly reviewed periodic and ad hoc reports submitted by the Executive Board regarding business performance, credit activities, capital mobilization, asset quality, risk management, liquidity, capital adequacy, and other material matters of the Bank. The BOD also requested explanations and clarifications from the Executive Board as necessary to provide timely guidance and direction.*
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các mục tiêu được ĐHĐCĐ giao: HĐQT định kỳ đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính và quản trị trọng yếu; theo dõi tiến độ triển khai các chương trình, đề án trọng tâm và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các giải pháp cần thiết nhằm hoàn thành các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua/ *Supervision of the implementation of the business plan and objectives approved by the GMS: The BOD periodically evaluated the achievement of key business, financial and*



governance targets, monitored the progress of strategic programs and initiatives, and directed the Executive Board to implement appropriate measures to accomplish the objectives approved by the GMS.

- *Giám sát thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát: HĐQT xem xét các báo cáo giám sát, kiểm tra, kiểm toán nội bộ và báo cáo của Ban Kiểm soát; đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro; yêu cầu Ban Điều hành triển khai các biện pháp khắc phục, phòng ngừa nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát./ Supervision through the internal control, risk management, internal audit systems and the Supervisory Board: The BOD reviewed supervisory, inspection, internal audit and Supervisory Board reports; assessed the effectiveness of the internal control and risk management framework; and required the BOM to implement corrective and preventive measures to further strengthen governance and control effectiveness.*
- *Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và cơ quan quản lý: HĐQT theo dõi việc chấp hành các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, các giới hạn và tỷ lệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan; giám sát việc thực hiện các kiến nghị, yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thanh tra, giám sát./ Supervision of compliance with legal and regulatory requirements: The BOD monitored compliance with prudential ratios, limits and thresholds prescribed by the State Bank of Vietnam, the Law on Credit Institutions, the Securities Law and other applicable regulations. The BOD also oversaw the implementation of recommendations and requirements issued by regulatory, inspection and supervisory authorities.*
- *Giám sát việc triển khai các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT: HĐQT định kỳ rà soát tiến độ và kết quả thực hiện các nghị quyết đã được thông qua; xem xét các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai và kịp thời chỉ đạo Ban Điều hành xử lý theo thẩm quyền./ Supervision of the implementation of GMS and BOD resolutions and decisions: The BOD periodically reviewed the progress and results of the implementation of approved resolutions and decisions, considered difficulties and challenges arising during execution, and provided timely directions to the BOM for appropriate resolution within its authority.*
- *Giám sát việc triển khai Chiến lược phát triển Eximbank: HĐQT theo dõi việc triển khai các chương trình hành động thuộc Chiến lược phát triển Ngân hàng, gắn với mục tiêu nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số, phát triển khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực cạnh tranh của Eximbank trong giai đoạn phát triển mới./ Supervision of the implementation of Eximbank's Development Strategy: The BOD monitored the implementation of action plans and strategic initiatives under the Bank's Development Strategy, focusing on enhancing governance capabilities, accelerating digital transformation, expanding the customer base, improving operational efficiency, and strengthening Eximbank's competitiveness in its next phase of development.*



Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã thực hiện hiệu quả vai trò giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, bảo đảm hoạt động điều hành của Ngân hàng bám sát các mục tiêu kinh doanh, định hướng chiến lược và các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Trên cơ sở hoàn thiện Khung quản trị doanh nghiệp và triển khai mô hình tổ chức mới phù hợp với Chiến lược phát triển Eximbank giai đoạn 2026 - 2030, HĐQT tập trung giám sát việc thực thi chiến lược, nâng cao hiệu quả vận hành, công tác quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và tuân thủ, đồng thời theo dõi chặt chẽ quá trình chuyển đổi tổ chức và kiện toàn bộ máy điều hành. Công tác giám sát của HĐQT đã góp phần bảo đảm hoạt động của Ngân hàng được duy trì an toàn, ổn định, thông suốt và tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Eximbank./ *During the first six months of 2026, the BOD effectively exercised its oversight responsibilities over the Chief Executive Officer and the BOM, ensuring that the Bank's operations remained aligned with business objectives, strategic priorities, and the resolutions of the GMS and the BOD. Building on the enhancement of the Corporate Governance Framework and the implementation of a new organizational model in line with Eximbank's Development Strategy for the 2026-2030 period, the BOD focused on overseeing strategy execution, operational effectiveness, risk management, internal controls, and regulatory compliance, while closely monitoring the organizational transformation and the restructuring of the executive management team. These supervisory activities contributed to maintaining the Bank's safe, stable, and uninterrupted operations and provided a solid foundation for Eximbank's next stage of development.*

4. Hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban và Ban thuộc HĐQT/ *Activities of the Councils, Committees and Panels under the BOD:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT đề cao việc chuyên môn hóa hoạt động giám sát thông qua các Ủy ban, Ban trực thuộc HĐQT, bảo đảm mỗi lĩnh vực trọng yếu được giám sát một cách chuyên sâu, độc lập và hiệu quả. Kể từ ngày 29/4/2026, Ủy ban Chiến lược và Tái cấu trúc cùng Hội đồng Đầu tư Hệ thống Công nghệ thông tin đã được kiện toàn và chuyển đổi thành Ủy ban Chiến lược và Công nghệ nhằm tham mưu, đề xuất, hỗ trợ cho HĐQT liên quan đến việc hoạch định và giám sát việc thực thi chiến lược kinh doanh, đồng thời đảm bảo chiến lược đầu tư và triển khai các sáng kiến công nghệ phù hợp với chiến lược tổng thể. Theo đó, tính đến ngày 30/6/2026, Eximbank có tổng cộng **07 Hội đồng, Ủy ban và Ban trực thuộc HĐQT/ *During the first six months of 2026, the Board of Directors emphasized the specialization of its oversight activities through the committees, councils, and boards under its authority, ensuring that each key area was supervised in a focused, independent, and effective manner. Effective from April 29, 2026, the Strategy and Restructuring Committee and the Information Technology System Investment Council were restructured and consolidated into the Strategy and Technology Committee, which is responsible for advising, proposing, and supporting the Board of Directors in formulating and overseeing the implementation of the Bank's business strategy, while ensuring that technology investment strategies and the deployment of technological initiatives are aligned with the overall corporate strategy. Accordingly, as of June***



30, 2026, Eximbank had a total of **07 Councils, Committees, and Panels operating under the Board of Directors.**

4.1 Ủy ban Nhân sự, Đề cử và lương thưởng (“Ủy ban Nhân sự”)/ *Personnel, Nomination and Remuneration Committee (“Human Resources Committee”)*

Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong công tác nhân sự, bao gồm đánh giá cơ cấu tổ chức quản trị, năng lực và kinh nghiệm của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT và đội ngũ quản lý cấp cao; thẩm định các nội dung đề cử, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự; và tham mưu các chính sách lương, thưởng, thù lao, đãi ngộ đối với người quản lý, người điều hành trên toàn hệ thống./ *The Human Resources Committee is responsible for advising and supporting the Board of Directors (BOD) on human resources matters, including the assessment of the governance structure, as well as the competencies and experience of the BOD, its committees, and the senior management team; reviewing matters relating to personnel nomination, succession planning, appointment and dismissal; and advising on remuneration, incentives, fees, and compensation policies applicable to managers and executives of Eximbank.*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ủy ban Nhân sự đã thực hiện 10 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét các nội dung liên quan đến công tác nhân sự thuộc phạm vi thẩm quyền được HĐQT phân công./ *During the first six months of 2026, the Human Resources Committee conducted 10 written-opinion collections to review and consider personnel matters within the scope of authority delegated by the Board of Directors.*

4.2 Ủy ban Kiểm toán và Quản lý Rủi ro (“Ủy ban Quản lý rủi ro”)/ *Audit and Risk Management Committee (“Risk Management Committee”)*

Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong công tác quản trị rủi ro; rà soát, đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của các chính sách, quy trình và hệ thống quản lý rủi ro; nhận diện, cảnh báo các rủi ro trọng yếu và đề xuất biện pháp kiểm soát phù hợp; đồng thời tham mưu HĐQT ban hành các chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc triển khai trên toàn hệ thống./ *The Risk Management Committee is responsible for advising and supporting the Board of Directors (BOD) in risk governance and oversight. Its responsibilities include reviewing and assessing the adequacy and effectiveness of risk management policies, processes, and systems; identifying and providing early warnings of material risks and recommending appropriate mitigation measures; as well as advising the Board of Directors on the issuance of risk management policies and overseeing their implementation in Eximbank.*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 01 cuộc họp và thực hiện 03 lần lấy ý kiến bằng văn bản/email nhằm thảo luận và phê duyệt các nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền được HĐQT phân công./ *During the first six months of 2026, the Risk Management Committee held one meeting and conducted three written-opinion collections via emails to discuss and approve matters within the scope of authority delegated by the Board of Directors.*



4.3 Hội đồng xử lý rủi ro/ *Risk Management Council*

Hội đồng Xử lý rủi ro có chức năng: (i) phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; (ii) phê duyệt việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống đối với các khoản nợ liên quan; (iii) phê duyệt các biện pháp thu hồi đối với các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống./ *The Risk Management Council is responsible for: (i) approving overall-bank consolidated reports on the recovery of debts that have been written off through risk provisions; (ii) approving the classification of debts, the provisioning and the using of risk provisions for the settlement of related exposures throughout the system; and (iii) approving recovery measures for debts that have been written off through risk provisions in Eximbank.*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Hội đồng Xử lý rủi ro đã thực hiện 09 lần lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các nội dung liên quan đến phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và xử lý các khoản nợ xấu./ *During the first six months of 2026, the Risk Management Council conducted nine written-opinion collections to approve matters relating to debt classification, risk provisioning, and the resolution of non-performing loans (NPLs).*

4.4 Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực/ *Steering Committee for the Prevention and Combat of Corruption and Negativity*

Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực có chức năng xem xét, phê duyệt các nội dung liên quan đến công tác triển khai và báo cáo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Ngân hàng theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức và hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ liên quan./ *The Steering Committee for the Prevention and Combat of Corruption and Negativity is responsible for reviewing and approving matters relating to the implementation of, and reporting on, the Bank's anti-corruption and misconduct prevention and control activities in accordance with directives issued by the State Bank of Vietnam. The Committee also directs the completion of the organizational structure and the enhancement of the internal regulatory framework in relation to such activities.*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ban Chỉ đạo đã thực hiện 03 lần lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, thông qua các báo cáo liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng./ *During the first six months of 2026, the Steering Committee conducted three written-opinion collections to review and approve reports relating to the prevention and control of corruption, misconduct, and crime in compliance with applicable laws and regulations, as well as guidance issued by the State Bank of Vietnam and the Banking Supervision and Inspection Agency.*

4.5 Ủy ban Chiến lược và Công nghệ/ *Strategy and Technology Committee*

Ủy ban Chiến lược và Công nghệ có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong công tác hoạch định chiến lược, giám sát thực thi các mục tiêu chiến lược, định hướng đầu tư công nghệ và chuyển đổi số phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng./ *The*



Strategy and Technology Committee is responsible for advising and supporting the Board of Directors (BOD) in strategic planning, overseeing the execution of strategic objectives, and providing guidance on technology investment and digital transformation initiatives in alignment with Eximbank's long-term development strategy.

Kể từ khi được kiện toàn ngày 29/4/2026 đến hết kỳ báo cáo, Ủy ban đã bước đầu triển khai các hoạt động rà soát, xây dựng nội dung tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ được giao./ *From its reconstitution on April 29, 2026 to the end of the reporting period, the Committee commenced its activities by conducting reviews and developing recommendations for the Board of Directors in accordance with its assigned functions and responsibilities.*

4.6 Hội đồng Thi đua - Khen thưởng/ *Emulation and Commendation Council*

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có chức năng tham mưu cho HĐQT trong công tác thi đua, khen thưởng trên toàn hệ thống Eximbank, bao gồm rà soát, đánh giá kết quả các phong trào thi đua và đề xuất các hình thức khen thưởng phù hợp đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc./ *The Emulation and Commendation Council is responsible for advising the Board of Directors (BOD) on emulation and commendation matters in Eximbank. Its responsibilities include reviewing and evaluating the outcomes of emulation campaigns and recommending appropriate forms of recognition and rewards for teams and individuals with outstanding achievements.*

Trong giai đoạn tới, Hội đồng sẽ tiếp tục rà soát, đề xuất các nội dung thi đua, khen thưởng phù hợp với định hướng phát triển và văn hóa doanh nghiệp của Ngân hàng./ *In the coming period, the Council will continue to review and propose emulation and commendation initiatives that are aligned with the Bank's strategic development objectives and corporate culture.*

4.7 Ủy ban giám sát Tài sản nợ - Tài sản có (“ALCO”)/ *Asset and Liability Oversight Committee:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ủy ban Giám sát ALCO đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng ALCO theo quy định. Ủy ban tham gia giám sát các cuộc họp, xem xét các nội dung thuộc phạm vi quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có và đưa ra các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, kiểm soát rủi ro và bảo đảm tuân thủ./ *During the first six months of 2026, the ALCO Supervisory Committee fully performed its oversight responsibilities over the activities of the Asset and Liability Council (ALCO) in accordance with applicable regulations. The Committee monitored ALCO meetings, reviewed matters within the scope of Asset and Liability Management (ALM), and provided recommendations aimed at enhancing governance effectiveness, strengthening risk management, and ensuring compliance.*

Trong kỳ, Ủy ban không tổ chức họp trực tiếp mà thực hiện lấy ý kiến thành viên bằng văn bản đối với 04 báo cáo trình Hội đồng quản trị. Tất cả các báo cáo đều được thông qua với tỷ lệ đồng thuận 100%. Ủy ban đồng thời báo cáo HĐQT tình hình thực hiện triển khai các kiến nghị đã được đề xuất đối với Hội đồng ALCO./ *During*



the reporting period, the Committee did not hold any direct meetings but instead obtained members' opinions in writing on 04 reports submitted to the Board of Directors. All reports were approved with a unanimous voting rate of 100%. The Committee also reported to the Board of Directors on the implementation status of the recommendations previously made to the ALCO.

5. **Các Nghị quyết của HĐQT trong 06 tháng đầu năm 2026/ Resolutions of the BOD in the first 06 months of 2026:** Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm/ Details provided in the attached Appendix 1.

III. Ban Kiểm soát/ Supervisory Board:

1. **Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát/ Composition:**

Stt/ No.	Thành viên BKS/ Member	Chức vụ/ Title	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS <i>Date of becoming/ no longer being SB member</i>		Trình độ chuyên môn/ Professional qualifications
			Ngày bắt đầu/ Start date	Ngày không còn là TV BKS/ End date	
I	Giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 28/4/2026/ <i>Period from January 1, 2026 to April 28, 2026:</i>				
1	Ông Nguyễn Trí Trung/ <i>Mr Nguyen Tri Trung</i>	Trưởng BKS/ <i>Head of Supervisory Board</i>	29/04/2025 / <i>April 29, 2025</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính - Ngân hàng - Học viện Tài chính/ <i>Bachelor's degrees in Accounting and Finance - Banking, Academy of Finance</i>
2	Bà Doãn Hồ Lan/ <i>Ms Doan Ho Lan</i>	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	29/04/2025/ <i>April 29, 2025</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Hệ Quản trị Điều hành cấp cao) - Đại học Kinh tế quốc dân/ <i>Master's degree in Business Administration (executive program) - National Economics University</i>
3	Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn/ <i>Mr Lam Nguyen Thien Nhon</i>	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	29/04/2025/ <i>April 29, 2025</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	Cử nhân Luật - Đại học Luật TP HCM/ <i>Bachelor's degree in Law - HCMC University of Law</i> Cử nhân Tin học - Đại học Sư phạm Kỹ thuật



Stt/ No.	Thành viên BKS/ Member	Chức vụ/ Title	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS <i>Date of becoming/ no longer being SB member</i>		Trình độ chuyên môn/ Professional qualifications
			Ngày bắt đầu/ <i>Start date</i>	Ngày không còn là TV BKS/ <i>End date</i>	
					TPHCM/ <i>Bachelor's degree in Informatics - HCMC University of Technology and Education</i> Chứng chỉ đào tạo Giám đốc Ngân hàng thương mại do NHNN hợp tác cùng Chính phủ Thụy Sĩ tổ chức (2015 - 2017) Thạc sĩ Luật kinh tế - Đại học Ngân hàng TPHCM/ <i>Bank executives' training certificate under the program held by SBV in collaboration with Swiss government (2015 - 2017)</i>
4	Ông Hoàng Tâm Châu/ <i>Mr Hoang Tam Chau</i>	Thành viên BKS/ Member	29/04/2025/ <i>April 29, 2025</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	Cử nhân Quản trị kinh doanh - Đại học Thương mại Hà Nội/ <i>Bachelor's degree in Business Administration - Thuong Mai University Ha Noi</i>
5	Bà Trần Thị Minh Lý/ <i>Ms Tran Thi Minh Ly</i>	Thành viên BKS/ Member	29/04/2025/ <i>April 29, 2025</i>	-	Cử nhân Kế toán Kiểm toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Hệ điều hành cao cấp) - Đại học Kinh tế TPHCM/ <i>Bachelor's degree in Accounting - Audit, and Master's degree in Business Administration (executive program) - University of Economics HCMC</i>
II	Giai đoạn từ ngày 28/4/2026 đến ngày 30/6/2026/ <i>Period from April 28, 2026 to June 30, 2026:</i>				



Stt/ No.	Thành viên BKS/ Member	Chức vụ/ Title	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS <i>Date of becoming/ no longer being SB member</i>		Trình độ chuyên môn/ Professional qualifications
			Ngày bắt đầu/ <i>Start date</i>	Ngày không còn là TV BKS/ <i>End date</i>	
1	Bà Trần Thị Minh Lý/ <i>Ms Tran Thi Minh Ly</i>	Trưởng BKS/ <i>Head of Supervisory Board</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	-	Cử nhân Kế toán Kiểm toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Hệ điều hành cao cấp) – Đại học Kinh tế TP HCM/ <i>Bachelor's degree in Accounting - Audit, and Master's degree in Business Administration (executive program) - University of Economics HCMC</i>
2	Bà Đỗ Thị Túy Phuong/ <i>Ms Do Thi Tuy Phuong</i>	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	-	Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật kinh doanh – Đại học Kinh tế TP HCM/ <i>Bachelor of Accounting, Bachelor of Business Law - University of Economics Ho Chi Minh City</i>
3	Bà Lưu Thúy Lan/ <i>Ms Luu Thuy Lan</i>	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	-	Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật học - Đại học Kinh tế TP HCM/ <i>Bachelor of Accounting, Bachelor of Laws - University of Economics Ho Chi Minh City</i> Cử nhân Ngữ văn Anh - Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP HCM/ <i>Bachelor of English Literature - University of Social Sciences and Humanities, Ho Chi Minh City</i>



Stt/ No.	Thành viên BKS/ Member	Chức vụ/ Title	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS <i>Date of becoming/ no longer being SB member</i>		Trình độ chuyên môn/ Professional qualifications
			Ngày bắt đầu/ <i>Start date</i>	Ngày không còn là TV BKS/ <i>End date</i>	
4	Bà Phạm Thị Hồng Thu/ <i>Ms Pham Thi Hong Thu</i>	Thành viên BKS/ <i>Member</i>	28/04/2026/ <i>April 28, 2026</i>	-	Cử nhân Luật kinh tế - Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TPHCM/ <i>Bachelor of Laws - University of Economics and Law, Vietnam National University Ho Chi Minh City</i> Thạc sĩ tài chính - Đại học Massey (New Zealand)/ <i>Master of Finance - Massey University (New Zealand)</i>

Trong 6 tháng đầu năm 2026, nhân sự Ban kiểm soát Eximbank có sự biến động, cụ thể/
In H1/2026, changes in the SB composition are as follows:

- Ngày 28/04/2026 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Eximbank đã thông qua/ *The 2026 AGM of Eximbank held on April 28, 2026 approved:*
 - + Miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS nhiệm kỳ VIII (2025-2030) do có đơn từ nhiệm đối với ông Nguyễn Trí Trung, ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn, bà Doãn Hồ Lan và ông Hoàng Tâm Châu/ *To discharge Nguyen Tri Trung, Lam Nguyen Thien Nhon, Doan Ho Lan and Hoang Tam Chau from positions of members of the SB of the VIII term (2025 - 2030) based on their resignation letters.*
 - + Bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ VIII (2025-2030) gồm: bà Đỗ Thị Túy Phương, bà Lưu Thúy Lan và bà Phạm Thị Hồng Thu/ *To additionally elect Do Thi Tuy Phuong, Luu Thuy Lan and Pham Thi Hong Thu as members of the SB of the VIII term (2025 - 2030).*
- Cũng trong ngày 28/04/2026, các Thành viên BKS đã tiến hành họp BKS và thống nhất bầu bà Trần Thị Minh Lý làm Trưởng BKS/ *Also on April 28, 2026, the SB members held a meeting and agreed to elect Tran Thi Minh Ly as the Chief Supervisor.*



- Tính đến thời điểm 30/06/2026, BKS Eximbank có 04 Thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và không thuộc các trường hợp bị hạn chế, cấm đảm nhiệm chức vụ./ *As of June 30, 2026, the SB of Eximbank has 4 members who fully meet the criteria and requirements set out by law and are not subject to any restrictions for or prohibitions from undertaking positions.*

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát/ *Meetings of the SB:*

Trong 6 tháng đầu năm 2026, BKS có 6 cuộc thảo luận trực tiếp và 37 cuộc lấy ý kiến bằng văn bản (tổng cộng 43 cuộc, chưa bao gồm các cuộc họp với HĐQT, BĐH; Hội đồng/Ủy ban/Ban thuộc HĐQT, TGD) để định hướng, chỉ đạo hoạt động KTNB và quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS./ *In H1/2026, the SB held 6 in-person meetings and 37 written polls (43 in total, not mentioning meetings with the BOD and Management, and councils/committees/boards under the BOD and CEO) to direct and give instructions on internal audit activities, and decide on matters and tasks within its functions and duties.*

Stt/ No.	Thành viên BKS/ <i>SB member</i>	Số cuộc họp tham dự/ <i>No. of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>
I	Giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 28/04/2026/ <i>Period from January 1, 2026 to April 28, 2026:</i>			
1	Ông Nguyễn Trí Trung/ <i>Mr Nguyen Tri Trung</i>	30/30	100%	100%
2	Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn/ <i>Mr Lam Nguyen Thien Nhon</i>	30/30	100%	100%
3	Bà Doãn Hồ Lan/ <i>Ms Doan Ho Lan</i>	30/30	100%	100%
4	Bà Trần Thị Minh Lý/ <i>Ms Tran Thi Minh Ly</i>	30/30	100%	100%
5	Ông Hoàng Tâm Châu/ <i>Mr Hoang Tam Chau</i>	30/30	100%	100%
II	Giai đoạn từ ngày 28/04/2026 đến ngày 30/06/2026/ <i>Period from April 28, 2026 to June 30, 2026:</i>			
1	Bà Trần Thị Minh Lý/ <i>Ms Tran Thi Minh Ly</i>	13/13	100%	100%
2	Bà Đỗ Thị Túy Phương/ <i>Ms Do Thi Tuy Phuong</i>	13/13	100%	100%
3	Bà Lưu Thúy Lan/ <i>Ms Luu Thuy Lan</i>	13/13	100%	100%



Stt/ No.	Thành viên BKS/ <i>SB member</i>	Số cuộc họp tham dự/ <i>No. of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>
4	Bà Phạm Thị Hồng Thu/ <i>Ms Pham Thi Hong Thu</i>	13/13	100%	100%

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban điều hành (“BDH”) và cổ đông/ *Supervision by the SB the BOD, Board of Management (“BOM”) and shareholders:*

BKS đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn quy định của pháp luật, Điều lệ Eximbank và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS. Trong đó, BKS chú trọng giám sát HĐQT, BDH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát thường xuyên, liên tục việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, thông qua hoạt động cụ thể sau: / *The SB has fully performed its rights and duties in correspondence with law, Eximbank Charter and Regulations on the organization and operations of the SB. Particularly, it focuses on supervising the BOD and BOM in the implementation of business directions and objectives for 2026 as approved by the General meeting of shareholders; and frequently and continuously overseeing the observance with law and the Bank’s Charter in management, administration and execution of resolutions of the General meeting of shareholders. Specifically as:*

- Trưởng BKS và các thành viên tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT, BDH; tham gia với tư cách khách mời trong cuộc họp của Hội đồng/Ủy ban thuộc HĐQT, TGD. Thông qua việc tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và đột xuất của HĐQT và BDH, cùng với báo cáo quản trị, các chính sách, quy định nội bộ và kết quả kiểm toán/rà soát của Ban KTNB, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát độc lập, kịp thời nắm bắt thông tin và đưa ra khuyến nghị/cảnh báo đối với HĐQT, Tổng giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Eximbank tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ/ *The Chief and members of the SB have fully attended meetings, regular or irregular, held by the BOD and BOM, and participated as invited guests in meetings of councils/committees under the BOD and CEO. Through these meetings and internal management reports, policies and internal regulations, as well as review/audit results of the BoIA, the SB has conducted independent supervision, timely caught up information and made several recommendations/alerts to the BOD and CEO with an aim to keep Eximbank operations aligned with law and the Charter.*
- Giám sát HĐQT/BDH trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT/ *Overseeing the BOD/BOM in carrying out resolutions of the General meeting of shareholders/BOD.*
- Giám sát tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính thông qua việc phân công nhân sự thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm (bao



gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập)/ *Supervising the honesty and reasonableness of financial statements by assigning staff to review the interim and annual financial statements (including those audited by the independent auditor).*

- Giám sát các chỉ số tài chính, các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn thông qua giám sát từ xa, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Eximbank thông qua các báo cáo độc lập của KTNB thực hiện hàng tháng, quý, 6 tháng, năm/ *Overseeing financial indicators, restrictions and prudent ratios through remote supervision, and supervising Eximbank's business via independent reports prepared by Internal audit every month, quarter, half-year and full-year.*
- Giám sát việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ,.../ *Supervising the debt rescheduling, exemption or relief of interests and fees, and retention of debt categories, etc.*
- Giám sát việc chấp hành quy định nội bộ về chi tiêu, huy động vốn, sử dụng vốn, chất lượng tín dụng,.../ *Supervising the observance with internal regulations on expenditure, capital funding, fund use, and credit quality, etc.*
- Giám sát việc thực hiện khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị nêu tại Kết luận của Thanh tra NHNN, kiến nghị của BKS, KTNB; giám sát công tác tổ chức ĐHĐCĐ của Eximbank/ *Supervising the remedy and correction against the recommendations stated in conclusions of SBV Inspectorate, and recommendations made by the SB and Internal audit; and supervising the organization of general meetings of shareholders of Eximbank.*
- Tham gia Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm của Ngân hàng/ *Participating in the Steering Committee for Prevention of Corruption, Negative Conducts and Crimes of the Bank.*
- Giám sát công tác phòng, chống rửa tiền/ *Supervising anti-money laundering activities.*
- Giám sát và báo cáo theo các yêu cầu cụ thể của NHNN từng thời kỳ/ *Supervising and making reports as per specific requirements of SBV from time to time.*
- Theo dõi việc lập danh sách cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên, lưu giữ và cập nhật danh sách này khi có thay đổi/ *Monitoring the preparation of the lists of shareholders holding 1% or more of the charter capital, and members of the BOD, SB and CEO and their related persons, and shareholders holding 1% or more of the charter capital, keeping and updating such lists upon changes thereto.*
- Theo dõi việc kiểm soát xung đột lợi ích và các giao dịch với người có liên quan nhằm đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và cổ đông/ *Monitoring the control of interest conflicts and transactions*



with related persons to ensure transparency, publicity and protect legitimate interests of the Bank and shareholders.

- Theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật/
Keeping track of the performance of information disclosure obligation according to law.

4. Hoạt động kiểm toán nội bộ và hoạt động khác của Ban Kiểm soát/ *Internal audit and other activities:*

BKS định hướng, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ việc triển khai công tác KTNB theo kế hoạch, chú trọng giám sát các chỉ số an toàn hoạt động, công tác quản trị rủi ro và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ Eximbank/ *The SB directs, guides and closely supervises the implementation of internal audit activities as scheduled, with special attention to prudent ratios in operations and risk management, and evaluates the effectiveness of the internal control system of Eximbank.*

Trong 6 tháng đầu năm 2026, BKS đã chỉ đạo Ban KTNB tiếp tục thực hiện và hoàn thành 06 Đoàn kiểm toán thuộc kế hoạch KTNB 2025 và triển khai 23 đoàn kiểm toán theo kế hoạch 2026 tại các đơn vị kinh doanh, đơn vị tại Hội sở trong nhiều hoạt động như: Quản lý rủi ro hoạt động; Mua sắm, thuê tài sản; Tác nghiệp tập trung thẻ; Phát triển ứng dụng CNTT...; đến 30/06/2026, KTNB đã hoàn thành 17 đoàn và đang thực hiện 12 đoàn. Thông qua các đoàn kiểm toán đã hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2026 (thuộc kế hoạch 2025 và 2026), Ban KTNB đã ghi nhận 316 phát hiện (gồm 12 phát hiện rủi ro rất cao, 133 phát hiện rủi ro cao, 171 phát hiện rủi ro trung bình), qua đó đưa ra 956 kiến nghị. Các đơn vị được kiểm toán đã tích cực khắc phục/chỉnh sửa/bổ sung các sai sót (khắc phục 492/956 kiến nghị) nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động/ *In H1/2026, the SB instructed the BoIA to keep carrying out and fulfilling the 6 audit teams planned in 2025, and further carry out 23 teams under the 2026 plan at business units and HO units in various fields covering operational risk management, asset procurement and leasing; card centralized operation; IT application development, etc. As at 30/06/2026, Internal Audit has finished 17 teams and 12 teams are on the way. Through the audit teams completed in H1/2026 (as per 2025 and 2026 plans), the BoIA has recorded 316 findings (12 of very high risk, 133 of high risk, and 171 of medium risk), and raised 956 recommendations. The audited units have actively corrected/supplemented/remedied the mistakes (492/956 recommendations have been accommodated) for mitigation of risks in operations.*

Bên cạnh công tác kiểm toán thực địa, KTNB còn thực hiện giám sát đối với hoạt động trọng yếu của Ngân hàng thông qua 18 tiêu chí và giám sát rủi ro tại các ĐVKD thông qua 48 tiêu chí, có báo cáo định kỳ hàng tháng cho BKS. Kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ và các đề xuất, kiến nghị của KTNB, BKS đều được gửi đến các cấp lãnh đạo ngân hàng/ *In addition to on-site audit, the BoIA has also supervised the Bank's key operations against 18 criteria and risks at business units against 48 criteria, and made monthly reports to the SB. Results of supervision, internal audit and recommendations, proposals of Internal Audit and the SB have been delivered to the Bank's executives.*



BKS cũng đã thực hiện vai trò giám sát quản lý cấp cao đối với KTNB thông qua công tác giám sát Đoàn kiểm toán, cập nhật quy định Sổ tay Kiểm toán nội bộ phù hợp với thực tế, qua đó nhằm kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, đánh giá điểm đạt được hoặc mặt hạn chế của KTNB để rút kinh nghiệm kịp thời qua mỗi đoàn kiểm toán/ *The SB has also performed senior management oversight over Internal Audit through the supervision of audit teams and update of the Internal audit handbook in line with the practice, from which to control the audit performance quality, evaluate the achievements or limitations of Internal Audit to timely draw experience after each audit.*

Thông qua hoạt động giám sát, kiểm toán nội bộ, BKS nhận thấy HĐQT, Ban Điều hành đã tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời chủ trương của Chính phủ, chỉ đạo của NHNN, Nghị quyết ĐHĐCĐ, ban hành các Nghị quyết, Quyết định đề định hướng, chỉ đạo kịp thời hoạt động của toàn hệ thống. TGD đã tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch theo nội dung định hướng, yêu cầu tại các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và tuân thủ tiếp tục được duy trì và từng bước hoàn thiện, góp phần hỗ trợ hoạt động của Eximbank an toàn và ổn định/ *Through supervision and internal audit, it is recognized that the BOD and BOM have stayed compliant with the Charter, Regulations on internal management, and Regulations on the organization and operations of the BOD. The BOD has timely and fully implemented intentions of the Government, directions of SBV, and resolutions of the General meeting of shareholders; and issued resolutions and decisions to direct and give timely instructions on the network's operations. The CEO has carried out the duties and plans against the orientations and requirements stated in resolutions and decisions of the BOD. The internal control, risk management and compliance system continues being maintained and gradually improved, contributing to safe and stable operations of Eximbank.*

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *Coordination in operation between the SB and the BOD, BOM and other management officers:*

- Sự phối hợp của BKS với HĐQT, BDH luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Eximbank và vì lợi ích chung của ngân hàng, cụ thể/ *The coordination between the SB and the BOD, BOM always ensures compliance with law and Eximbank Charter for common interests of the Bank, detailed as:*
 - + Các phiên họp định kỳ của HĐQT, Hội đồng/Ủy ban thuộc HĐQT, BDH, Hội đồng thuộc TGD đều có sự tham dự của đại diện BKS/Lãnh đạo KTNB/ *Representatives of the SB/Internal audit leadership attend regular meetings of the BOD and its subsidiary councils/committees, BOM and councils under the CEO.*
 - + BKS được HĐQT, BDH cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, báo cáo theo yêu cầu để BKS thực hiện nhiệm vụ/ *The SB has been provided by the BOD and BOM with sufficient information, data and reports upon demand for its performance of duties.*



- + Thông qua kết quả kiểm tra của các đoàn kiểm toán, BKS đưa ra các ý kiến về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ. Các kiến nghị, đề xuất được TGD nhanh chóng chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện, bao gồm khắc phục chỉnh sửa lỗi vi phạm và rút kinh nghiệm, tránh lặp lại các sai sót đã được KTNB kiến nghị, lưu ý/ *Through the inspection results of audit teams, the SB has raised opinions to measures for control reinforcement and risk mitigation, ensuring compliance with law, the Charter and internal regulations. Such recommendations and proposals have been considered by CEO who then instruct concerned units to strictly follow, including correcting the breaches, learning experience and avoiding repetition of the same mistakes.*
- + Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ, Kế hoạch KTNB hàng năm đều có tham khảo qua ý kiến của HĐQT, TGD/ *Reports by the SB laid down to the General meeting of shareholders as well as annual internal audit plans have been consulted with opinions of the BOD and CEO.*
- + BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (ngày 28/04/2026)/ *The SB closely worked with the BOD and CEO in the organization of 2026 Annual general meeting of shareholders (held on April 28, 2026).*
- + BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD trong việc khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị của Thanh tra NHNN/ *The SB has well coordinated with the BOD and CEO in making remedies against recommendations of SBV Inspectorate.*
- Nhìn chung, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác của Eximbank trong 6 tháng đầu năm 2026 được thực hiện thông suốt, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Eximbank/ *In overall, the coordination in operation between the SB and the BOD, BOM and other management officers of Eximbank in H1/2026 has been thoroughly carried out, in conformity with law, the Charter and regulations of Eximbank.*

6. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát (nếu có)/ *Other activities (if any)*: không có/ *N/A*

IV. Ban Tổng giám đốc/ *Board of Management*:

- Ngày 29/5/2026, HĐQT Eximbank ban hành Nghị quyết số 140A/2026/EIB/NQ-HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Đào Hồng Châu theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/6/2026/ *On May 29, 2026, the BOD of Eximbank issued Resolution No. 140A/2026/EIB/NQ-HĐQT approving the relieving of Mr. Dao Hong Chau from his position as Deputy Chief Executive Officer of Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank, at his own request, effective from June 1, 2026.*
- Ngày 29/5/2026, HĐQT Eximbank ban hành Nghị quyết số 141A/2026/EIB/NQ-HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam đối với Ông Nguyễn Hồ



Hoàng Vũ theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/6/2026. Bên cạnh đó, Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ cũng không còn là Người được ủy quyền công bố thông tin của Eximbank kể từ ngày 01/6/2026/ *On May 29, 2026, the BOD of Eximbank issued Resolution No. 141A/2026/EIB/NQ-HĐQT approving the relieving of Mr. Nguyen Ho Hoang Vu from his position as Deputy Chief Executive Officer cum Chief Financial Officer of Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank, at his own request, effective from June 1, 2026. In addition, Mr. Nguyen Ho Hoang Vu ceased to serve as Eximbank's Authorized Person for Information Disclosure effective June 1, 2026.*

- Ngày 01/6/2026, HĐQT Eximbank ban hành Nghị quyết số 154/2026/EIB/NQ-HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Eximbank đối với Ông Phạm Quang Dũng kể từ ngày 01/6/2026/ *On June 1, 2026, the BOD of Eximbank issued Resolution No. 154/2026/EIB/NQ-HĐQT approving the relieving of Mr. Pham Quang Dung from his position as Deputy Chief Executive Officer of Eximbank, effective from June 1, 2026.*
- Ngày 05/6/2026, HĐQT Eximbank ban hành Nghị quyết số 156A/2026/EIB/NQ-HĐQT chấp thuận việc tuyển dụng và bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Long giữ chức vụ Giám đốc Khối Hành chính kiêm Phó Tổng Giám đốc Eximbank, hiệu lực kể từ ngày 08/6/2026/ *On June 5, 2026, the BOD of Eximbank issued Resolution No. 156A/2026/EIB/NQ-HĐQT approving the recruitment and appointment of Mr. Nguyen Thanh Long to the positions of Chief Administrative Officer cum Deputy Chief Executive Officer of Eximbank, effective June 8, 2026.*
- Ngày 30/6/2026, HĐQT Eximbank ban hành Nghị quyết số 182/2026/EIB/NQ-HĐQT chấp thuận việc tái bổ nhiệm đối với Ông Trần Tấn Lộc, hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026/ *On June 30, 2026, the BOD of Eximbank issued Resolution No. 182/2026/EIB/NQ-HĐQT approving the reappointment of Mr. Tran Tan Loc, effective from July 1, 2026.*

Ban Tổng giám đốc Eximbank tính đến ngày 30/6/2026 có 04 thành viên, thông tin cụ thể như sau/ *As of June 30, 2026, Eximbank's Executive Management consisted of 04 members, as detailed below:*

STT No.	Thành viên Ban Tổng giám đốc/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban Tổng giám đốc/ <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management/</i>
1	Ông Trần Tấn Lộc <i>Mr. Tran Tan Loc</i>	01/06/1969/ <i>June 1, 1969</i>	Tiến sỹ Kinh tế/ <i>Doctor of Economics</i>	- 16/5/2025: Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc/ <i>May 16, 2025: Appointed as Deputy Chief Executive Officer.</i> - 01/7/2025: Bổ nhiệm Quyền Tổng giám đốc/ <i>July 1, 2025: Appointed as Acting Chief Executive Officer.</i>



STT No.	Thành viên Ban Tổng giám đốc/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban Tổng giám đốc/ <i>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management/</i>
2	Ông Nguyễn Hương Minh ¹ <i>Mr. Nguyen Huong Minh</i>	11/8/1974/ <i>August 11, 1974</i>	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh/ <i>Master of Business Administration</i>	01/6/2018: Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc/ <i>June 1, 2018: Appointed as Deputy Chief Executive Officer.</i>
3	Ông Nguyễn Văn Hòa ² <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	19/4/1983/ <i>April 19, 1983</i>	Cử nhân Toán - tin học ứng dụng/ <i>Bachelor of Applied Mathematics and Computer Science</i>	01/7/2025: Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc/ <i>July 1, 2025: Appointed as Deputy Chief Executive Officer.</i>
4	Ông Nguyễn Thành Long <i>Mr. Nguyen Thanh Long</i>	19/07/1966/ <i>July 19, 1966</i>	Thạc sỹ Luật học/ <i>Master of Laws</i>	08/6/2026: Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc/ <i>June 8, 2026: Appointed as Deputy Chief Executive Officer.</i>

V. Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị công ty - Người được ủy quyền công bố thông tin / *Chief Accountant and Person in charge of corporate governance - Authorized person for information disclosure:*

¹ Ngày 29/5/2026, HĐQT Eximbank ban hành Nghị quyết số 142A/2026/EIB/NQ-HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Hương Minh theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 15/7/2026/ *On May 29, 2026, the BOD of Eximbank issued Resolution No. 142A/2026/EIB/NQ-HĐQT approving the relieving of Mr. Nguyen Huong Minh from his position as Deputy Chief Executive Officer of Eximbank, at his own request, effective from July 15, 2026.*

² Ngày 08/6/2026, HĐQT Eximbank ban hành Nghị quyết số 164A/2026/EIB/NQ-HĐQT chấp thuận việc tái bổ nhiệm, giao kiêm nhiệm chức danh Phó giám đốc Khối Quản lý rủi ro kiêm Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Hòa, hiệu lực kể từ ngày 08/6/2026/ *On June 8, 2026, the BOD of Eximbank issued Resolution No. 164A/2026/EIB/NQ-HĐQT approving the reappointment and concurrent appointment of Mr. Nguyen Van Hoa as Deputy Chief Risk Officer cum Deputy Chief Executive Officer, effective from June 8, 2026.*



STT No.	Họ và tên/ Name	Chức vụ/ Position	Ngày tháng năm sinh/ Date of birth	Trình độ chuyên môn nghề nghiệp/ Qualification	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm Date of appointment/ dismissal
1	Ông Lã Quang Trung ³ <i>Mr. La Quang Trung</i>	Kế Toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>	20/10/1978/ <i>October 20, 1978</i>	Thạc sỹ Kế toán, Chứng chỉ Kế toán trưởng/ <i>Master's Degree in Accounting, Chief Accountant Certificate</i>	27/02/2020: Bỏ nhiệm chức danh Kế toán trưởng/ <i>February 27, 2020: Appointed as Chief Accountant</i>
2	Ông Nguyễn Văn Thủy ⁴ <i>Mr. Nguyen Van Thuy</i>	Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin/ <i>Person in charge of corporate governance, Authorized person for information disclosure</i>	15/5/1979/ <i>May 15, 1979</i>	Thạc sỹ Luật, Cử nhân Kinh tế/ <i>Master of Laws, Bachelor of Economics</i>	15/8/2023: Bỏ nhiệm chức danh Người phụ trách Quản trị Công ty/ <i>August 15, 2023: Appointed as Person in Charge of Corporate Governance.</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, các chương trình đào tạo dành cho Ban lãnh đạo của Eximbank không được tổ chức dưới hình thức các khóa đào tạo riêng biệt mà được lồng ghép trong các hội thảo, tọa đàm và workshop chuyên đề. Thông qua các chương trình này, Ban lãnh đạo đã được cập nhật kiến thức, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn và nâng cao năng lực quản trị, điều hành phù hợp với định hướng phát triển của Ngân hàng. Một số chương trình mà Ban lãnh đạo Eximbank đã tham dự trong nửa đầu năm 2026 bao gồm:

During the first six months of 2026, training activities for Eximbank's leadership were not conducted as standalone training programs but were integrated into specialized seminars, workshops, and discussion forums. Through these programs, members of Eximbank's leadership were able to update their knowledge, exchange practical experience, and enhance their management and executive capabilities in

³ Ông Lã Quang Trung được tái bổ nhiệm vào ngày 04/5/2021, ngày 04/5/2022, ngày 04/5/2023, ngày 04/5/2024, ngày 04/5/2025, ngày 04/5/2026/ *Mr. La Quang Trung was reappointed on May 4, 2021; May 4, 2022; May 4, 2023; May 4, 2024; May 4, 2025 and May 4, 2026.*

⁴ Ông Nguyễn Văn Thủy được tái bổ nhiệm vào ngày 14/8/2024; Được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 01/6/2026/ *Mr Nguyen Van Thuy was reappointed on 14 August 2024; Authorized Person for Information Disclosure effective from June 1, 2026.*



alignment with the Bank's strategic development objectives./ Some of the programs attended by Eximbank's leadership in the first half of 2026 are as follows:

STT/ No.	Tên chương trình/hội thảo/khoá đào tạo <i>Name of Program/Seminar/Training Course</i>	Thời gian/ <i>Time</i>	Đơn vị tổ chức/ <i>Organizer</i>
1	Chương trình Dự án Workshop Chiến lược “The Return... Unbreakable Together”/ <i>The Strategic Workshop Project Program “The Return... Unbreakable Together”</i>	Tháng 01/2026/ <i>January 2026</i>	Eximbank
2	Hội nghị các tổ chức đăng ký chứng khoán/ <i>Conference of Securities Registration Organizations</i>	Tháng 4/2026/ <i>April 2026</i>	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/ <i>VSDC</i>
3	Chương trình Dự án Workshop Chiến lược “Hành trình trở lại... Vạn dặm bắt đầu bằng một bước chân”/ <i>The Strategic Workshop Project Program “The Journey Back... A Journey of a Thousand Miles Begins with a Single Step”</i>	Tháng 6/2026/ <i>June 2026</i>	Eximbank
4	Chương trình đào tạo Cán bộ quản lý ngân hàng SECO/Thụy Sĩ./ <i>SECO/Switzerland Banking Management Training Program.</i>	Tháng 6/2026/ <i>June 2026</i>	SECO/Thụy Sĩ./ <i>SECO/Switzerland</i>

Trong thời gian tới, Eximbank sẽ tiếp tục chú trọng nâng cao năng lực quản trị của Thành viên HĐQT, BKS và Ban Điều hành thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu và cập nhật các xu hướng, thông lệ quản trị tiên tiến, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, chất lượng giám sát và điều hành, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Ngân hàng.

In the coming period, Eximbank will continue to place strong emphasis on enhancing the governance capabilities of members of the BOD, the SB, and the BOM through specialized training programs and regular updates on emerging trends and best governance practices. These efforts are expected to strengthen corporate governance, risk management, oversight quality, and management effectiveness, thereby supporting the Bank's sustainable development objectives.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report for 2026) and transactions of affiliated persons of the Company:*

- 1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company:*** Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm/ *Details are provided in the attached Appendix 2.*



2. **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*:** Không có/ *Not applicable*
 3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power*:** Không có/ *Not applicable*.
 4. **Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*:**
 - 4.1 **Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of the BOD, the SB, CEO have been founding members or members of BOD, or CEO in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*:** Không có/ *Not applicable*.
 - 4.2 **Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of BOD, Supervisory Board, CEO and other managers as a member of BOD, Director (Chief Executive Officer or CEO)*:** Không có/ *Not applicable*.
 - 4.3 **Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of BOD, members of the SB, CEO and other managers*:** Không có/ *Not applicable*.
- VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 06 tháng năm 2026)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report for 2026)***
1. **Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*:** Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm/ *details are provided in the attached Appendix 3*.
 2. **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*:** Không có/ *Not applicable*.



IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues*: Không có/ *Not applicable*. *moon*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *moon*
F/O BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH/ *CHAIRPERSON*

Nơi nhận/*Recipients*: *moon*

- Như trên/*As above*;
- HĐQT, BKS (*để báo cáo*)/ *BOD, SB*
(*for reporting*);
- Lưu VT, VP HĐQT/ *Archive:*
Administration Office, BOD Office.

Phạm Thị Huyền Trang



PHỤ LỤC 1

APPENDIX 1

Ban hành kèm theo Báo cáo số 211/2026/EIB/BC-HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng quản trị Eximbank

Issued together with Report No. 211/2026/EIB/BC-HĐQT dated July 23, 2026 of the Board of Directors of Eximbank

THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LIST OF RESOLUTIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
1	01/2026/EIB/NQ-HĐQT	05/01/2026	Phê duyệt ngân sách giải thưởng năm 2025. / <i>Approval of the 2025 bonus budget.</i>	60% (3/5)	
2	02/2026/EIB/NQ-HĐQT	07/01/2026	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Eximbank tại Hà Nội. / <i>Termination of operations of the Eximbank Representative Office in Hanoi.</i>	60% (3/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 58/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 08/01/2026
3	03/2026/EIB/NQ-HĐQT	07/01/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of Eximbank Branch Director.</i>	60% (3/5)	
4	04/2026/EIB/NQ-HĐQT	08/01/2026	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản nội bộ tại Eximbank/ <i>Approval of the draft Regulation on drafting, issuance and management of internal documents at Eximbank.</i>	60% (3/5)	
5	07/2026/EIB/NQ-HĐQT	10/01/2026	Áp dụng hình thức xử lý kỷ luật lao động đối với nhân sự có liên quan đến sai phạm tại Chi nhánh Eximbank/ <i>Application of labor disciplinary measures against personnel involved in violations at Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ <i>RESOLUTION NO.</i>	NGÀY BAN HÀNH/ <i>ISSUED DATE</i>	NỘI DUNG/ <i>CONTENTS</i>	TỶ LỆ THÔNG QUA/ <i>APPROVAL RATE</i>	GHI CHÚ/ <i>NOTES</i>
6	10/2026/EIB/NQ-HĐQT	15/01/2026	Tăng hạn mức giao dịch cho khách hàng/ <i>Increase the transaction limit for the customer.</i>	80% (4/5)	
7	11/2026/EIB/NQ-HĐQT	15/01/2026	Phê duyệt kế hoạch thanh lý tài sản/ <i>Approval of the plan to liquidate.</i>	80% (4/5)	
8	12/2026/EIB/NQ-HĐQT	15/01/2026	Phê duyệt quà Tết Nguyên đán 2026 và quỹ lương theo kết quả KPIs 2025 / <i>Approval of Tet (Lunar New Year) 2026 gifts and payroll fund based on 2025 KPI results.</i>	60% (3/5)	
9	13/2026/EIB/NQ-HĐQT	15/01/2026	Tái cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng/ <i>Re-granting credit limits to customers.</i>	60% (3/5)	
10	15/2026/EIB/NQ-HĐQT	16/01/2026	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm/ <i>Approval of the draft Regulation on unsecured credit granting.</i>	60% (3/5)	
11	17/2026/EIB/NQ-HĐQT	20/01/2026	Phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá TSBĐ khoản vay của khách hàng/ <i>Approval of the starting auction price of loan collateral provided by the customer.</i>	100% (5/5)	
12	18/2026/EIB/NQ-HĐQT	21/01/2026	Thuê lại một phần diện tích văn phòng làm việc/ <i>Lease of a portion of office space.</i>	100% (5/5)	
13	19/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/01/2026	Giải quyết nghỉ việc theo nguyện vọng đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Approval of resignation at personal request of Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
14	21/2026/EIB/NQ-HĐQT	26/01/2026	Phê duyệt đầu tư dự án Gia hạn thuê bản quyền phần mềm / <i>Approval of the investment project for software license renewal.</i>	60% (3/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
15	22/2026/EIB/NQ-HĐQT	26/01/2026	Tái cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng/ <i>Re-granting credit limits to customers.</i>	60% (3/5)	
16	23/2026/EIB/NQ-HĐQT	26/01/2026	Duy trì hạn mức tín dụng cho khách hàng/ <i>Maintain credit limits for customers.</i>	60% (3/5)	
17	24/2026/EIB/NQ-HĐQT	27/01/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
18	25/2026/EIB/NQ-HĐQT	27/01/2026	Thông qua Dự thảo Văn bản phản hồi Công văn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ <i>Approve the draft written response to the State Bank of Vietnam's official letter.</i>	100% (5/5)	
19	28/2026/EIB/NQ-HĐQT	28/01/2026	Chấp thuận thay đổi tên và địa điểm của Eximbank Trung Hòa/ <i>Approval of the change of name and location of Eximbank Trung Hoa.</i>	80% (4/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 614/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 28/01/2026
20	29/2026/EIB/NQ-HĐQT	28/01/2026	Thông qua báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025/ <i>Approval of the 2025 corporate governance report.</i>	100% (5/5)	
21	31/2026/EIB/NQ-HĐQT	29/01/2026	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Recruitment and appointment of an Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
22	32/2026/EIB/NQ-HĐQT	30/01/2026	Kết quả đánh giá KPIs năm 2025 và kết quả xét trao giải thưởng 2025/ <i>2025 KPI evaluation results and 2025 bonus award results.</i>	60% (3/5)	
23	33/2026/EIB/NQ-HĐQT	02/02/2026	Ký Hợp đồng tư vấn với Chuyên gia/ <i>Execution of consulting contracts with experts.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
24	34/2026/EIB/NQ-HĐQT	06/02/2026	Thông qua kế hoạch đề cử nhân sự và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026/ <i>Approval of the plan for nomination of candidates and organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 840/2026/EIB-TGD & 841/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 06/02/2026
25	35/2026/EIB/NQ-HĐQT	06/02/2026	Điều chuyển và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Transfer and appointment of an Eximbank Branch Director.</i>	80% (4/5)	
26	38/2026/EIB/NQ-HĐQT	09/02/2026	Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Quy chế của Eximbank/ <i>Approval of the Amendments and Supplements to the Draft Regulation of Eximbank.</i>	80% (4/5)	
27	41/2026/EIB/NQ-HĐQT	11/02/2026	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Văn phòng và Dịch vụ nội bộ / <i>Approval of the draft Regulation on organization and operation of the Office and Internal Services Division.</i>	60% (3/5)	
28	43/2026/EIB/NQ-HĐQT	12/02/2026	Cấp tín dụng cho khách hàng/ <i>Granting credit to customers.</i>	60% (3/5)	
29	44/2026/EIB/NQ-HĐQT	12/02/2026	Duy trì hạn mức tín dụng cho khách hàng/ <i>Maintain credit limits for customers.</i>	60% (3/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
30	45/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/02/2026	Tái bổ nhiệm và tái ký Hợp đồng lao động đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment and renewal of labor contract of An Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
31	46/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/02/2026	Chế độ và thu nhập liên quan đến Lãnh đạo Eximbank AMC/ <i>Compensation and Benefits for Eximbank AMC's Senior Management</i>	100% (4/5)	
32	47/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/02/2026	Thông qua nội dung dự thảo Chính sách Quản lý rủi ro/ <i>Approval of the draft Risk Management Policy.</i>	60% (3/5)	
33	49/2026/EIB/NQ-HĐQT	25/02/2026	Thay đổi điều kiện cấp tín dụng đối với khoản cấp tín dụng cho khách hàng/ <i>Amendment of credit conditions for for customers.</i>	60% (3/5)	
34	50/2026/EIB/NQ-HĐQT	25/02/2026	Tái ký HĐLĐ và tái bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Renewal of labor contract and re-appointment as Director of An Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
35	51/2026/EIB/NQ-HĐQT	25/02/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of An Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
36	52/2026/EIB/NQ-HĐQT	25/02/2026	Cập nhật nội dung sửa đổi và ban hành mới Điều lệ liên quan đến việc thay địa điểm đặt trụ sở chính sau khi được NHNN Việt Nam chấp thuận/ <i>Update and issuance of amended Charter relating to the change of Head Office location after SBV approval.</i>	100% (5/5)	
37	56/2026/EIB/NQ-HĐQT	27/02/2026	Thông qua kết quả đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) năm 2025/ <i>Approval of ICAAP results for 2025.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
38	58/2026/EIB/NQ-HĐQT	27/02/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of An Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
39	60/2026/EIB/NQ-HĐQT	05/03/2026	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Appointment of an Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
40	62/2026/EIB/NQ-HĐQT	09/03/2026	Điều chỉnh Danh sách Tổ chức tín dụng được Eximbank chấp thuận nhận tiền gửi, giấy tờ có giá làm tài sản bảo đảm/ <i>Adjustment of the list of credit institutions accepted by Eximbank for deposits and valuable papers as collateral.</i>	60% (3/5)	
41	64/2026/EIB/NQ-HĐQT	09/03/2026	Chấp thuận lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ định giá/ <i>Approval of the selection of a valuation service provider.</i>	60% (3/5)	
42	65/2026/EIB/NQ-HĐQT	09/03/2026	Phê duyệt kết luận tại buổi họp xử lý kỷ luật lao động đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Approval of the Conclusions Reached at the Disciplinary Meeting Concerning an Eximbank Branch Director.</i>	60% (3/5)	
43	68/2026/EIB/NQ-HĐQT	12/03/2026	Phê duyệt đối tác môi giới bảo hiểm trách nhiệm người quản lý/ <i>Approval of insurance broker for Directors & Officers liability insurance.</i>	100% (5/5)	
44	69/2026/EIB/NQ-HĐQT	12/03/2026	Điều chỉnh, cập nhật kế hoạch đề cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung, thay thế Thành viên HĐQT, Thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Adjustment and update of the plan for nomination of candidates for additional election/replacement of BOD and SB members of Eximbank for Term VIII (2025 - 2030).</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 1562/2026/EIB-TGĐ, ngày/ <i>dated</i> 12/3/2026



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ <i>RESOLUTION NO.</i>	NGÀY BAN HÀNH/ <i>ISSUED DATE</i>	NỘI DUNG/ <i>CONTENTS</i>	TỶ LỆ THÔNG QUA/ <i>APPROVAL RATE</i>	GHI CHÚ/ <i>NOTES</i>
45	70/2026/EIB/NQ-HĐQT	12/03/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of An Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
46	73/2026/EIB/NQ-HĐQT	16/03/2026	Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Eximbank để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua/ <i>Eximbank's Business Plan for 2026 to be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval.</i>	60% (3/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 1681/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 16/3/2026
47	74/2026/EIB/NQ-HĐQT	18/03/2026	Thay đổi con dấu của Eximbank/ <i>Change of Eximbank's seal.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 1738/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 18/3/2026
48	75/2026/EIB/NQ-HĐQT	18/03/2026	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Khách hàng doanh nghiệp/ <i>Approval of the draft Regulation on organization and operation of the Corporate Banking Division.</i>	60% (3/5)	
49	77/2026/EIB/NQ-HĐQT	19/03/2026	Triển khai ký kết Bản mô tả công việc với đối tác/ <i>Implementation of execution of Job Description agreement.</i>	60% (3/5)	
50	78/2026/EIB/NQ-HĐQT	24/03/2026	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Recruitment and Appointment of an Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
51	79/2026/EIB/NQ-HĐQT	25/03/2026	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Bảo vệ dữ liệu cá nhân / <i>Approval of the draft Regulation on organization and operation of the Personal Data Protection Department.</i>	60% (3/5)	
52	80/2026/EIB/NQ-HĐQT	25/03/2026	Điều chỉnh, cập nhật kế hoạch đề cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung, thay thế Thành viên HĐQT, Thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Adjustment and update of the plan for nomination of candidates for additional election/replacement of BOD and SB members of Eximbank for Term VIII (2025 - 2030).</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 1930/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 25/3/2026
53	83/2026/EIB/NQ-HĐQT	27/03/2026	Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo tài chính (BCTC) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025/ <i>Review, approval and disclosure of audited financial statements for the year ended December 31, 2025.</i>	100% (5/5)	
54	84/2026/EIB/NQ-HĐQT	27/03/2026	Phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá TSBĐ khoản vay của khách hàng/ <i>Approval of the starting auction price of loan collateral provided by the customer</i>	60% (3/5)	
55	86/2026/EIB/NQ-HĐQT	30/03/2026	Mua một phần khoản nợ của khách hàng tại TCTD khác/ <i>Purchase of part of a debt.</i>	60% (3/5)	
56	87/2026/EIB/NQ-HĐQT	30/03/2026	Mua một phần khoản nợ của khách hàng tại TCTD khác/ <i>Purchase of part of a debt.</i>	60% (3/5)	
57	88/2026/EIB/NQ-HĐQT	30/03/2026	Duy trì hạn mức tín dụng cho khách hàng/ <i>Maintain credit limits for customers.</i>	60% (3/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
58	89/2026/EIB/NQ-HĐQT	02/04/2026	Cấp tín dụng cho khách hàng/ <i>Granting credit to customers.</i>	60% (3/5)	
59	91/2026/EIB/NQ-HĐQT	07/04/2026	Sắp xếp công tác nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Arrangement of personnel for the position of Director of an Eximbank Branch.</i>	100% (5/5)	
60	93/2026/EIB/NQ-HĐQT	07/04/2026	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Eximbank/ <i>Approval of documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	60% (3/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 2403/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 07/4/2026
61	96/2026/EIB/NQ-HĐQT	08/04/2026	Phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá TSBĐ khoản vay của khách hàng/ <i>Approval of the starting auction price of loan collateral provided by the customer.</i>	60% (3/5)	
62	97/2026/EIB/NQ-HĐQT	08/04/2026	Lựa chọn đối tác chuyên môn để cung cấp dịch vụ/ <i>Approval of the selection of a professional partner to provide services.</i>	60% (3/5)	
63	98/2026/EIB/NQ-HĐQT	10/04/2026	Phê duyệt điều chỉnh dự án “Gia hạn thuê bản quyền phần mềm Microsoft 365 giai đoạn 2026 - 2029”/ <i>Approve the amendment of the project ‘Renewal of Microsoft 365 Software Licensing Subscription for the 2026 - 2029 Period.</i>	100% (5/5)	
64	99/2026/EIB/NQ-HĐQT	14/04/2026	Tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự thuộc Ban dự án chiến lược/ <i>Recruitment and appointment of personnel for strategic project team.</i>	100% (5/5)	
65	100/2026/EIB/NQ-HĐQT	14/04/2026	Phê duyệt kế hoạch mua xe ô tô phục vụ công tác / <i>Approval of the plan to purchase vehicles.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
66	101/2026/EIB/NQ-HĐQT	14/04/2026	Thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung, thay thế Thành viên HĐQT, Thành viên BKS/ <i>Approval of list of candidates for additional election/replacement of BOD and SB members.</i>	60% (3/5)	
67	102/2026/EIB/NQ-HĐQT	14/04/2026	Cập nhật tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2026/ <i>Update of documents for the 2026 AGM.</i>	60% (3/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 2636/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 14/4/2026
68	103/2026/EIB/NQ-HĐQT	14/04/2026	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại Eximbank/ <i>Promulgation of Regulation on operation of the Anti-corruption Steering Committee at Eximbank.</i>	100% (5/5)	
69	105/2026/EIB/NQ-HĐQT	16/04/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Khối tại Hội sở/ <i>Re-appointment of a Chief Officer at Head Office.</i>	100% (5/5)	
70	106/2026/EIB/NQ-HĐQT	16/04/2026	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Khối tại Hội sở/ <i>Recruitment and appointment of a Chief Officer at Head Office.</i>	60% (3/5)	
71	107/2026/EIB/NQ-HĐQT	16/04/2026	Điều chỉnh điều kiện sử dụng hạn mức giao dịch với đối tác/ <i>Adjustment of the terms and conditions applicable to a transaction limit with a partner.</i>	60% (3/5)	
72	109/2026/EIB/NQ-HĐQT	17/04/2026	Phê duyệt nội dung Báo cáo Thường niên 2025 của Eximbank/ <i>Approve the contents of Eximbank's 2025 Annual Report.</i>	100% (5/5)	
73	110/2026/EIB/NQ-HĐQT	20/04/2026	Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bổ sung hoạt động vào Giấy phép/ <i>Request to the State Bank of Vietnam for approval to add an activity to Eximbank's License.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ <i>RESOLUTION NO.</i>	NGÀY BAN HÀNH/ <i>ISSUED DATE</i>	NỘI DUNG/ <i>CONTENTS</i>	TỶ LỆ THÔNG QUA/ <i>APPROVAL RATE</i>	GHI CHÚ/ <i>NOTES</i>
74	111/2026/EIB/NQ-HĐQT	20/04/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of An Eximbank Branch Director.</i>	80% (4/5)	
75	112/2026/EIB/NQ-HĐQT	20/04/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of An Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
76	113/2026/EIB/NQ-HĐQT	21/04/2026	Duy trì hạn mức tín dụng cho khách hàng/ <i>Maintain credit limits for customers.</i>	60% (3/5)	
77	114/2026/EIB/NQ-HĐQT	21/04/2026	Triển khai ký kết phụ lục hợp đồng với đối tác/ <i>Implementation of the signing of a contract appendix with a partner.</i>	60% (3/5)	
78	115/2026/EIB/NQ-HĐQT	21/04/2026	Triển khai ký kết phụ lục hợp đồng với đối tác/ <i>Implementation of the signing of a contract appendix with a partner.</i>	60% (3/5)	
79	117/2026/EIB/NQ-HĐQT	21/04/2026	Triển khai ký kết phụ lục hợp đồng với đối tác/ <i>Implementation of the signing of a contract appendix with a partner.</i>	60% (3/5)	
80	119/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/04/2026	Thông qua dự thảo Quy chế phòng, chống tham nhũng tại Eximbank. / <i>Approval of the draft Anti-corruption Regulation at Eximbank.</i>	100% (5/5)	
81	120/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/04/2026	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Appointment of an Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
82	121/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/04/2026	Trích Quỹ Phúc lợi chi cho Cán bộ nhân viên nhân dịp Giỗ Tổ Hùng Vương; Lễ 30/4 và 01/5 năm 2026/ <i>Allocation from the Welfare Fund</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
			<i>for employees on the Hung Kings' Commemoration Day and the public holidays of April 30 and May 1, 2026.</i>		
83	123/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/04/2026	Cấp tín dụng cho khách hàng/ <i>Granting credit to customers.</i>	60% (3/5)	
84	126/2026/EIB/NQ-HĐQT	24/04/2026	Bổ nhiệm Giám đốc Khối tại Hội sở/ <i>Appointment of a Chief Officer at Head Office.</i>	100% (5/5)	
85	127/2026/EIB/NQ-HĐQT	24/04/2026	Tái bổ nhiệm Ông Lã Quang Trung giữ chức vụ Kế toán trưởng Eximbank. / <i>Re-appointment of Mr. La Quang Trung as Chief Accountant of Eximbank.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.: 3102/2026/EIB-TGD, ngày/ dated 24/4/2026</i>
86	128/2026/EIB/NQ-HĐQT	24/04/2026	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank/ <i>Re-appointment of an Eximbank Branch Director.</i>	100% (5/5)	
87	131/2026/EIB/NQ-HĐQT	26/04/2026	Cập nhật tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2026/ <i>Update of documents for the 2026 AGM.</i>	60% (3/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.: 3111/2026/EIB-TGD, ngày/ dated 26/4/2026</i>
88	133/2026/EIB/NQ-HĐQT	29/04/2026	Tham gia Ủng hộ Tháng Nhân đạo năm 2026 theo vận động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/ <i>Participation in contributions to the 2026 Humanitarian Month as mobilized by the State Bank of Vietnam.</i>	80% (4/5)	
89	134/2026/EIB/NQ-HĐQT	29/04/2026	Phân công nhân sự tham gia Hội đồng/ Ủy ban/ Ban trực thuộc HĐQT/ <i>Assignment of personnel to</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
			<i>participate in Councils/ Committees/ Units under the Board of Directors.</i>		
90	139/2026/EIB/NQ-HĐQT	25/05/2026	Thông qua kế hoạch đề cử nhân sự dự kiến bầu Thành viên HĐQT, thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) và tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Eximbank tổ chức ngày 24/7/2026/ <i>Approval of the nomination plan for BOD and SB members for Term VIII and organization of Extraordinary General Meeting on July 24, 2026.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 4206/2026/EIB-TGD & 4207/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 25/5/2026
91	140/2026/EIB/NQ-HĐQT	29/05/2026	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Đào Hồng Châu theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/6/2026/ <i>Dismissal of Mr. Dao Hong Chau from the position of Deputy CEO at his personal request effective June 1, 2026.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 4446/2026/EIB-TGD, ngày/ <i>dated</i> 29/5/2026
92	141/2026/EIB/NQ-HĐQT	29/05/2026	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính đối với Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/6/2026/ <i>Dismissal of Mr. Nguyen Ho Hoang Vu from the position of Deputy CEO cum CFO at his personal request effective June 1, 2026.</i>	100% (5/5)	
93	142/2026/EIB/NQ-HĐQT	29/05/2026	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Hường Minh theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 15/7/2026/ <i>Dismissal of Mr. Nguyen Huong Minh from the position of Deputy CEO at his personal request effective July 15, 2026.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
94	143/2026/EIB/NQ-HĐQT	1/6/2026	Bãi bỏ Quy chế tổ chức và hoạt động của các cấp phê duyệt tín dụng/ <i>Abolition of the Regulation on organization and operation of credit approval levels.</i>	100% (5/5)	
95	144/2026/EIB/NQ-HĐQT	1/6/2026	Chấm dứt hiệu lực của các Quy chế liên quan đến hoạt động xử lý nợ/ <i>Termination of validity of regulations related to debt handling.</i>	100% (5/5)	
96	145/2026/EIB/NQ-HĐQT	1/6/2026	Điều chỉnh Mô hình tổ chức Eximbank/ <i>Adjustment of Eximbank's organizational model.</i>	100% (5/5)	
97	146/2026/EIB/NQ-HĐQT	1/6/2026	Điều chỉnh thẩm quyền quyết định trong hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ / <i>Adjustment of decision-making authority in investment and procurement of assets, goods, and services.</i>	100% (5/5)	
98	154/2026/EIB/NQ-HĐQT	1/6/2026	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với ông Phạm Quang Dũng/ <i>Dismissal of Mr. Pham Quang Dung from the position of Deputy CEO.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 30/2026/EIB/C BTT-NĐDPL, ngày/ <i>dated</i> 01/6/2026
99	156/2026/EIB/NQ-HĐQT	5/6/2026	Tuyển dụng và bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Long - Giám đốc Khối Hành chính kiêm Phó Tổng Giám đốc Eximbank / <i>Recruitment and appointment of Mr. Nguyen Thanh Long as Head of Administration Division cum Deputy CEO of Eximbank.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 40/2026/EIB/C BTT-NĐDPL, ngày/ <i>dated</i> 05/6/2026



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ <i>RESOLUTION NO.</i>	NGÀY BAN HÀNH/ <i>ISSUED DATE</i>	NỘI DUNG/ <i>CONTENTS</i>	TỶ LỆ THÔNG QUA/ <i>APPROVAL RATE</i>	GHI CHÚ/ <i>NOTES</i>
100	157/2026/EIB/NQ-HĐQT	5/6/2026	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Khối tại Hội sở/ <i>Recruitment and appointment of a Chief Officer at Head Office.</i>	100% (5/5)	
101	158/2026/EIB/NQ-HĐQT	5/6/2026	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Khối tại Hội sở/ <i>Recruitment and appointment of a Chief Officer at Head Office.</i>	100% (5/5)	
102	162/2026/EIB/NQ-HĐQT	8/6/2026	Trình ĐHCĐ điều chỉnh cơ cấu HĐQT, số lượng nhân sự dự kiến bầu bổ sung, thay thế TV HĐQT và bầu bổ sung TV BKS Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>The submission to GMS regarding adjustment of BOD structure and additional election/replacement of BOD and SB members for Term VIII (2025 - 2030).</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.: 42/2026/EIB/C BTT-NĐDPL, ngày/ dated 08/6/2026</i>
103	164/2026/EIB/NQ-HĐQT	8/6/2026	Tái bổ nhiệm đối với ông Nguyễn Văn Hòa/ <i>Re-appointment Mr. Nguyen Van Hoa.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.: 43/2026/EIB/C BTT-NĐDPL, ngày/ dated 08/6/2026</i>
104	168/2026/EIB/NQ-HĐQT	11/6/2026	Phân công nhân sự vào Ủy ban thuộc HĐQT/ <i>Assignment of personnel to committees under the Board of Directors.</i>	100% (5/5)	
105	170/2026/EIB/NQ-HĐQT	11/6/2026	Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐQT/ <i>Revoke the Resolutions of the Board of Directors.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
106	171/2026/EIB/NQ-HĐQT	11/6/2026	Lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ của Eximbank/ <i>Selection of an audit firm to audit the use of proceeds from Eximbank's private bond issuances.</i>	100% (5/5)	
107	173/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/6/2026	Thông qua việc trình sửa đổi Bộ tài liệu phù hợp với thực tiễn triển khai lộ trình áp dụng khung quản trị tại Eximbank/ <i>Approve the submission of amendments to the document set to align with the actual implementation of the governance framework adoption roadmap at Eximbank.</i>	100% (5/5)	
108	174/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/6/2026	Công tác nhân sự đối với Lãnh đạo cấp cao tại Eximbank/ <i>Personnel matters relating to senior executives at Eximbank.</i>	100% (5/5)	
109	175/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/6/2026	Nghị quyết của HĐQT về việc điều chỉnh số lượng nhân sự dự kiến bầu bổ sung, thay thế Thành viên Hội đồng quản trị, bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) và thực hiện các thủ tục có liên quan/ <i>Resolution of the Board of Directors regarding the adjustment of the proposed number of candidates for the election of additional and replacement Members of the Board of Directors, the election of additional Members of the Supervisory Board of Eximbank for the VIII Term (2025 - 2030), and the execution of relevant procedures.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 51/2026/EIB/C BTT-NĐDPL, ngày/ <i>dated</i> 23/6/2026
110	176/2026/EIB/NQ-HĐQT	23/6/2026	Điều chỉnh tiến độ dự án/ <i>Adjustment of the project timeline.</i>	100% (5/5)	



Stt/ No.	SỐ NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION NO.	NGÀY BAN HÀNH/ ISSUED DATE	NỘI DUNG/ CONTENTS	TỶ LỆ THÔNG QUA/ APPROVAL RATE	GHI CHÚ/ NOTES
111	177/2026/EIB/NQ-HĐQT	24/6/2026	Thông qua phê duyệt ký kết Bản Mô tả công việc với đối tác/ <i>Approval of the signing of a Statement of Work with a partner.</i>	80% (4/5)	
112	178/2026/EIB/NQ-HĐQT	24/6/2026	Thông qua khung Phúc lợi mới dành cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành/ <i>Approving new welfare framework for Board of Directors and Management.</i>	100% (5/5)	
113	179/2026/EIB/NQ-HĐQT	26/6/2026	Phê duyệt việc bàn giao tài sản thuộc quy hoạch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền/ <i>Approval of the handover of assets subject to planning requirements to the competent state authorities.</i>	80% (4/5)	
114	180/2026/EIB/NQ-HĐQT	26/6/2026	Tái bổ nhiệm nhân sự cấp cao của Eximbank AMC/ <i>Reappointment of a senior executive of Eximbank AMC.</i>	100% (5/5)	
115	182/2026/EIB/NQ-HĐQT	30/6/2026	Tái bổ nhiệm đối với Ông Trần Tấn Lộc/ <i>Re-appointment of Mr. Tran Tan Loc.</i>	100% (5/5)	Đã CBTT tại Văn bản số/ <i>Information disclosed in Document No.:</i> 54/2026/EIB/C BTT-NĐDPL, ngày/ <i>dated</i> 30/6/2026
116	183/2026/EIB/NQ-HĐQT	30/6/2026	Chấp thuận nguyên tắc phương án hỗ trợ đối với Lãnh đạo cấp cao/ <i>Approval in Principle of the Support Plan for Senior Executives.</i>	100% (5/5)	
Tổng cộng HĐQT đã ban hành 116 Nghị quyết / <i>In total, the Board of Directors issued 116 Resolutions.</i>					



PHỤ LỤC 2/ **APPENDIX 2**

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA EXIMBANK (Cập nhật đến ngày 30/6/2026)/

LIST OF RELATED PARTIES OF EXIMBANK (Updated as of June 30, 2026)

(Kèm theo Báo cáo số 211/2026/EIB/BC-HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng quản trị Eximbank)/

(Enclosed with Report No. 211/2026/EIB/BC-HĐQT dated July 23, 2026 of the Board of Directors of Eximbank)

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ <i>BOARD OF DIRECTORS</i> ¹										
1	Phạm Thị Huyền Trang		Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật - Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Chairperson of the BOD and Legal Representative – Independent Member of the BOD, Term VIII (2025–2030)</i>					29/04/2025 30/06/2025 04/12/2025	-	- Được bổ nhiệm làm TV độc lập HĐQT từ ngày 29/04/2025/ <i>Appointed as an Independent Member of the BOD from April 29, 2025.</i> - Được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT từ ngày 30/06/2025./ <i>Appointed as Standing Vice</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>

¹ Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) hết nhiệm kỳ tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Eximbank tổ chức vào ngày 29/4/2025; Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) được bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Eximbank tổ chức vào ngày 29/4/2025./ *The term of the BOD of Eximbank for Term VII (2020–2025) ended at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders held on 29 April 2025; Members of the BOD for Term VIII (2025–2030) were appointed at the same AGM held on 29 April 2025.*



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
										<i>Chairperson of the Board of Directors from June 30, 2025</i> - Được bầu làm Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật từ ngày 04/12/2025/ <i>Elected as Chairman of the BOD and Legal Representative effective from 04 December 2025.</i>	
2	Phạm Tuấn Anh		Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the BOD Term VIII (2025–2030)</i>					29/04/2025	-	Được bổ nhiệm làm TV HĐQT nhiệm kỳ VIII từ ngày 29/04/2025/ <i>Appointed as a Member of the Board of Directors for Term VIII from April 29, 2025</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
3	Nguyễn Trí Trung		Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/					28/04/2026	-	Được bổ nhiệm làm TV HĐQT từ ngày 28/04/2026/ <i>Appointed as a Member of the Board of Directors</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
			Member of the BOD Term VIII (2025–2030)							from April 28, 2026.	
4	Nguyễn Trọng Hiền		Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Independent Member of the BOD for Term VIII (2025–2030)</i>					28/04/2026	-	Được bổ nhiệm làm TV độc lập HĐQT từ ngày 28/04/2026/ <i>Appointed as an Independent Member of the Board of Directors from April 28, 2026.</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
5	Ho Poh Wah		Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Independent Member of the BOD for Term VIII (2025–2030)</i>					28/04/2026	-	Được bổ nhiệm làm TV độc lập HĐQT từ ngày 28/04/2026/ <i>Appointed as an Independent Member of the Board of Directors from April 28, 2026.</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
6	Nguyễn Cảnh Anh		Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the BOD Term VIII (2025–2030)</i>					18/09/2023 29/04/2025		Không còn là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) kể từ ngày 28/4/2026/ <i>No longer served as a Member of the BOD for Term VIII (2025 - 2030) as of April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
7	Đỗ Hà Phương		Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the BOD Term VIII (2025–2030)</i>					15/02/2022 29/04/2025		Không còn là Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) kể từ ngày 28/4/2026/ <i>No longer served as a Member of the BOD for Term VIII (2025 - 2030) as of April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
8	Hoàng Thế Hưng		Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Independent Member of the BOD for Term VIII (2025– 2030)</i>					29/04/2025	28/04/2026	Không còn là Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) kể từ ngày 28/4/2026/ <i>No longer served as an Independent Member of the BOD for Term VIII (2025 - 2030) as of April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
II BAN KIỂM SOÁT/BOARD OF SUPERVISORS ²											
1	Trần Thị Minh Lý		Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Head of the SB for Term VIII (2025– 2030)</i>					26/02/2025 29/04/2025	-	- Được bầu làm TVBKS nhiệm kỳ VII từ ngày 26/2/2025/ <i>Elected as a Member of the SB for Term VII from February 26, 2025</i> - Được bầu làm TVBKS nhiệm kỳ VIII từ ngày 29/04/2025/ <i>Elected as a Member of the SB</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>

² Thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) hết nhiệm kỳ tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Eximbank tổ chức vào ngày 29/4/2025; Thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) được bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Eximbank tổ chức vào ngày 29/4/2025./ *Members of the SB of Eximbank for Term VII (2020– 2025) ended their term at the 2025 AGM held on April 29, 2025; Members of the SB for Term VIII (2025–2030) were appointed at the same AGM held on April 29, 2025.*



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
										for Term VIII from April 29, 2025 - Được bầu làm Trưởng BKS nhiệm kỳ VIII từ ngày 28/4/2026/ <i>Elected as the Head of the SB for Term VIII from April 26, 2026</i>	
2	Đỗ Thị Túy Phương		Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the SB for Term VIII (2025 – 2030)</i>					28/04/2026	-	Được bầu làm TVBKS nhiệm kỳ VIII từ ngày 28/04/2026/ <i>Elected as a Member of the SB for Term VIII from April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
3	Lưu Thúy Lan		Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the SB for Term</i>					28/04/2026	-	Được bầu làm TVBKS nhiệm kỳ VIII từ ngày 28/04/2026/ <i>Elected as a Member of the SB</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
			VIII (2025 – 2030)							for Term VIII from April 28, 2026	
4	Phạm Thị Hồng Thu		Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the SB for Term VIII (2025 – 2030)</i>					28/04/2026	-	Được bầu làm TVBKS nhiệm kỳ VIII từ ngày 28/04/2026/ <i>Elected as a Member of the SB for Term VIII from April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
5	Nguyễn Trí Trung		Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Head of the SB for Term VIII (2025– 2030)</i>					26/02/2025 29/04/2025	28/04/2026	Không còn là Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) kể từ ngày 28/4/2026/ <i>No longer served as Head of the SB for Term VIII (2025 - 2030) as of April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
6	Doãn Hồ Lan		Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the SB for Term VIII (2025 – 2030)</i>					14/04/2023 29/04/2025	28/04/2026	Không còn là Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) kể từ ngày 28/4/2026/ <i>No longer served as a Member of the SB for Term VIII (2025 - 2030) as of April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
7	Lâm Nguyễn Thiện Nhơn		Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the SB for Term VIII (2025 – 2030)</i>					26/02/2025 29/04/2025	28/04/2026	Không còn là Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) kể từ ngày 28/4/2026/ <i>No longer served as a Member of the SB for Term VIII (2025 - 2030) as of April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
8	Hoàng Tâm Châu		Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030)/ <i>Member of the SB for Term VIII (2025 – 2030)</i>					29/04/2025	28/04/2026	Không còn là Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ VIII (2025 - 2030) kể từ ngày 28/4/2026/ <i>No longer served as a Member of the SB for Term VIII (2025 - 2030) as of April 28, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
III	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ <i>BOARD OF MANAGEMENT</i>										



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
1	Trần Tấn Lộc		Quyền Tổng Giám đốc/ <i>Acting CEO</i>					16/05/2025 01/07/2025	-	Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 16/05/2025/ <i>Appointed as Deputy CEO since May 16, 2025;</i> Được bổ nhiệm làm Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 01/07/2025/ <i>Appointed as Acting CEO from July 1, 2025</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
2	Nguyễn Hướng Minh		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy CEO</i>					01/06/2018	-	Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2018/ <i>Appointed as Deputy CEO since June 01, 2018.</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
3	Nguyễn Văn Hoà		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy CEO</i>					01/07/2025	-	Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/07/2025/ <i>Appointed as Deputy CEO since July 01, 2025</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
4	Nguyễn Thành Long		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy CEO</i>					08/06/2026	-	Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 08/06/2025/ <i>Appointed as Deputy CEO since June 8, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
5	Đào Hồng Châu		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy CEO</i>					26/04/2004	01/06/2026	Không còn là Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/06/2026/ <i>No longer served as a Deputy CEO as of June 1, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
6	Nguyễn Hồ Hoàng Vũ		Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính/ <i>Deputy CEO cum Chief Financial Officer;</i> Người được Ủy quyền Công bố thông tin/ <i>Authorized Information Disclosure Officer</i>					05/09/2013 15/08/2023	01/06/2026	Không còn là Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/06/2026/ <i>No longer served as a Deputy CEO as of June 1, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
7	Phạm Quang Dũng		Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy CEO</i>					08/05/2025	01/06/2026	Không còn là Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/06/2026/ <i>No longer served as a Deputy CEO as of June 1, 2026</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
IV	KẾ TOÁN TRƯỞNG/ <i>CHIEF ACCOUNTANT</i>										
1	Lã Quang Trung		Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>					27/02/2020	-	Được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng độc từ ngày 27/02/2020/ <i>Appointed as Chief Accountant since February 27, 2020</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>
V	NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY/ <i>PERSON IN CHARGE OF CORPORATE GOVERNANCE</i>										
1	Nguyễn Văn Thủy		Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền Công bố thông tin/ <i>Chief of the BOD Office cum Person in Charge of Corporate Governance, Authorized Person for Information Disclosure</i>					15/08/2023 01/06/2026	-	Được bổ nhiệm làm Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty từ ngày 15/08/2023/ <i>Appointed as Chief of the BOD Office cum Person in Charge of Corporate Governance from August 15, 2023</i> Được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 01/6/2026/ <i>Appointed as the Authorized Person</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
										for Information Disclosure	
VI CÔNG TY CON/ <i>SUBSIDIARIES</i>											
1	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Eximbank/ <i>Eximbank Asset Management and Exploitation One Member Limited Liability Company (Eximbank AMC)</i>		-					24/08/2010	-	Công ty con của Eximbank/ <i>Subsidiary of Eximbank</i>	Công ty con của Eximbank/ <i>Subsidiary of Eximbank</i>
1.1	Nguyễn Văn Chín		Giám đốc Trung tâm Quản trị và Xử lý nợ/ <i>Director of the Debt Management and Settlement Center</i>					12/06/2025	-	Ông Nguyễn Văn Chín là Người đại diện theo pháp luật của Công ty con của Eximbank kể từ ngày 12/6/2025/ <i>Mr. Nguyen Van Chin has been the Legal Representative of Eximbank's subsidiary since June 12, 2025</i>	Chủ tịch kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty con của Eximbank/ <i>Chairman cum Legal Representative of Eximbank's subsidiary</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
VII	TỔ CHỨC MÀ EXIMABANK SỞ HỮU TỪ 5% VỐN ĐIỀU LỆ/VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT/ <i>ORGANIZATIONS IN WHICH EXIMBANK HOLDS 5% OR MORE OF THE CHARTER CAPITAL/VOTING SHARES</i>										
1	Công Ty Cổ Phần Đào Tạo Và Tư Vấn Nghiệp Vụ Ngân Hàng/ <i>Banking Professional Training and Consulting Joint Stock Company</i>		-					11/2001	-	Eximbank sở hữu 5,29%/ <i>Eximbank holds 5.29%</i>	Eximbank sở hữu từ 5% vốn điều lệ/vốn cổ phần có quyền biểu quyết/ <i>Eximbank holds 5% or more of the charter capital/ voting shares</i>
2	Cty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long/ <i>Baolong Insurance Corporation (Baolong Insurance Joint Stock Company)</i>		-					04/2007	-	Eximbank sở hữu 6,51%/ <i>Eximbank holds 6.51%</i>	Eximbank sở hữu từ 5% vốn điều lệ/vốn cổ phần có quyền biểu quyết/ <i>Eximbank holds 5% or more of the charter capital/ voting shares</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Eximbank/ <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No*</i>	Ngày cấp Giấy NSH/ <i>Date of issue</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan/ <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do/ <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
VIII	CỔ ĐÔNG LỚN/MAJOR SHAREHOLDER										
1	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Gelex/ <i>Gelex Group Joint Stock Company</i>		-					12/08/2024	-	Cổ đông lớn của Eximbank/ <i>Major Shareholder of Eximbank</i>	Cổ đông lớn của Eximbank/ <i>Major Shareholder of Eximbank</i>



PHỤ LỤC 3/ APPENDIX 3

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (Thông tin được cập nhật đến thời điểm ngày 30/6/2026)

THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THIER AFFILIATED PERSONS (Information updated as of 30/6/2026)

(Kèm theo Báo cáo số 211/2026/EIB/BC-HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng quản trị Eximbank/ Attached to Report No 211/2026/EIB/BC-HĐQT dated July 23 2026 of the Board of Directors of Eximbank)

STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BOARD OF DIRECTORS										
1.0	Phạm Thị Huyền Trang/ Pham Thi Huyen Trang		Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Eximbank/ Chairperson of the Board of Directors - Independent Member, Legal representative	Người nội bộ/ Internal Person					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.1	Đoàn Ngọc Đoan/ <i>Doan Ngoc Doan</i>		Không/ <i>None</i>	Chồng/ <i>Husband</i>					0	0,00%	
1.2	Đoàn Yến Nhi/ <i>Doan Yen Nhi</i>		Không/ <i>None</i>	Con gái/ <i>Daughter</i>					0	0,00%	
1.3	Phạm Xuân Nhật/ <i>Pham Xuan Nhan</i>		Không/ <i>None</i>	Bố đẻ/ <i>Father</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.4	Nguyễn Thị Mơ/ <i>Nguyen Thi Mo</i>		Không/ <i>None</i>	Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					0	0,00%	
1.5	Hoàng Thị Mai/ <i>Hoang Thi Mai</i>		Không/ <i>None</i>	Mẹ chồng/ <i>Mother-in-law</i>					0	0,00%	
1.6	Đoàn Quang Đạt/ <i>Doan Quang Dat</i>		-	Bố chồng/ <i>Father-in-law</i>					0	0,00%	Đã mất / <i>Deceased</i>
1.7	Phạm Thị Vân Anh/ <i>Pham Thi Van Anh</i>		Không/ <i>None</i>	Chị gái/ <i>Sister</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.8	Vũ Chí Hiếu/ <i>Vu Chi Hieu</i>		Không/ <i>None</i>	Anh rể/ <i>Brother-in-law</i>					0	0,00%	
1.9	Phạm Thị Huyền Lê/ <i>Pham Thi Huyen Le</i>		Không/ <i>None</i>	Em gái/ <i>Sister</i>					0	0,00%	
1.10	Phạm Việt Hùng/ <i>Pham Viet Hung</i>		Không/ <i>None</i>	Em rể/ <i>Brother- in-law</i>					0	0,00%	
1.11	Đoàn Thị Thu Hương/ <i>Doan Thi Thu Huong</i>		Không/ <i>None</i>	Chị chồng/ <i>Sister-in-law</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.12	Đoàn Ngọc Điệp/ <i>Doan Ngoc Diep</i>		-	Anh chồng/ <i>Brother-in-law</i>					0	0,00%	Đã mất / <i>Deceased</i>
1.13	Đoàn Ngọc Đan/ <i>Doan Ngoc Dan</i>		Không/ <i>None</i>	Anh chồng/ <i>Brother-in-law</i>					0	0,00%	
1.14	Đoàn Quang Vinh/ <i>Doan Quang Vinh</i>		Không/ <i>None</i>	Em chồng/ <i>Brother-in-law</i>					0	0,00%	
1.15	Phạm Văn Túc/ <i>Pham Van Tuc</i>		-	Ông nội/ <i>Paternal grandfather</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.16	Phạm Thị Mỹ/ <i>Pham Thi My</i>		-	Bà nội/ <i>Paternal grandmother</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.17	Nguyễn Văn Khàn/ <i>Nguyen Van Khan</i>		-	Ông ngoại/ Maternal grandfather					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.18	Nguyễn Thị Sơ/ <i>Nguyen Thi So</i>		-	Bà ngoại/ Maternal grandmother					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.19	Phạm Thị Nhiệm/ <i>Pham Thi Nhiem</i>		Không/ <i>None</i>	Bác ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	
1.20	Phạm Trung Mến/ <i>Pham Trung Men</i>		Không/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	
1.21	Phạm Văn Dự/ <i>Pham Van Du</i>		Không/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.22	Phạm Văn Tuyên/ <i>Pham Van Tuyen</i>		Không/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	
1.23	Phạm Văn Triền/ <i>Pham Van Trien</i>		Không/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	
1.24	Phạm Thị Mơ/ <i>Pham Thi Mo</i>		Không/ <i>None</i>	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	
1.25	Nguyễn Văn Trung/ <i>Nguyen Van Trung</i>		Không/ <i>None</i>	Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.26	Nguyễn Thị Cây/ <i>Nguyen Thi Cay</i>		-	Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.27	Nguyễn Thị Mận/ <i>Nguyen Thi Man</i>		Không/ <i>None</i>	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	
1.28	Nguyễn Thị Sáu/ <i>Nguyen Thi Sau</i>		Không/ <i>None</i>	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.29	Nguyễn Văn Thành/ <i>Nguyen Van Thanh</i>		-	Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	Đã mất / <i>Deceased</i>
1.30	Vũ Trí Phúc/ <i>Vu Tri Phuc</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	
1.31	Vũ Phương Huyền/ <i>Vu Phuong Huyen</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0,00%	
1.32	Phạm Việt Hoàng/ <i>Pham Viet Hoang</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.33	Phạm Việt Hải/ <i>Pham Viet Hai</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	
1.34	Phạm Việt Lâm/ <i>Pham Viet Lam</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	
1.35	Phạm Việt Linh/ <i>Pham Viet Linh</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.0	Phạm Tuấn Anh/ <i>Pham Tuan Anh</i>		Thành viên HĐQT/ <i>Member of the BOD</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>					0	0,00%	
2.1	Nguyễn Thị Hương Giang/ <i>Nguyen Thi Huong Giang</i>			Vợ/ <i>Wife</i>					0	0,00%	
2.2	Phạm Văn Thiều/ <i>Pham Van Thieu</i>			Cha đẻ/ <i>Father</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.3	Nguyễn Thị Lan Anh/ <i>Nguyen Thi Lan Anh</i>			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					0	0,00%	
2.4	Nguyễn Mạnh Hòa/ <i>Nguyen Manh Hoa</i>			Cha vợ/ <i>Father- in-law</i>					0	0,00%	
2.5	Hoàng Thị Anh Thư/ <i>Hoang Thi Anh Thu</i>			Mẹ vợ/ <i>Mother- in-law</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.6	Phạm Nguyễn Diệu Anh/ <i>Pham Nguyen Dieu Anh</i>			Con đẻ/ <i>Daughter</i>					0	0,00%	
2.7	Phạm Minh Anh/ <i>Pham Minh Anh</i>			Con đẻ/ <i>Daughter</i>					0	0,00%	
2.8	Phạm Quang Thanh/ <i>Pham Quang Thanh</i>			Anh ruột/ <i>Brother</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.9	Phạm Hồng Thu/ <i>Pham Hong Thu</i>			Anh ruột/ <i>Brother</i>					0	0,00%	
2.10	Nguyễn Ngọc Khánh/ <i>Nguyen Ngoc Khanh</i>			Em vợ/ <i>Sister- in-law</i>					0	0,00%	
2.11	Nguyễn Quỳnh Trang/ <i>Nguyen Quynh Trang</i>			Chị dâu/ <i>Sister- in-law</i>					0	0,00%	
2.12	Lê Hồng Nga/ <i>Le Hong Nga</i>			Chị dâu/ <i>Sister- in-law</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.13	Phạm Văn Nham/ <i>Pham Van Nham</i>			Ông nội/ <i>Paternal grandfather</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.14	Nguyễn Thị Ngân/ <i>Nguyen Thi Ngan</i>			Bà nội/ <i>Paternal grandmother</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.15	Chu Văn Huê/ <i>Chu Van Hue</i>			Ông ngoại/ <i>Maternal grandfather</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.16	Nguyễn Thị Đình/ <i>Nguyen Thi Dinh</i>			Bà ngoại/ <i>Maternal grandmother</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.17	Phạm Thúy Nga/ <i>Pham Thuy Nga</i>			Bác ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.18	Phạm Thúy Ngọc/ <i>Pham Thuy Ngoc</i>			Bác ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.19	Phạm Danh Thái/ <i>Pham Danh Thai</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.20	Phạm Thị Ngà/ <i>Pham Thi Nga</i>			Bác ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.21	Phạm Văn Thái/ <i>Pham Van Thai</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.22	Phạm Danh Năng/ <i>Pham Danh Nang</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	
2.23	Phạm Thị Duyên/ <i>Pham Thi Duyen</i>			Bác ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	
2.24	Chu Văn Nhã/ <i>Chu Van Nha</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.25	Chu Thị Trúc/ <i>Chu Thi Truc</i>			Bác ruột/ <i>Aunt</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.26	Chu Văn Nhã/ <i>Chu Van Nha</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	
2.27	Chu Văn Thịnh/ <i>Chu Van Thinh</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.28	Phạm Cao Cường/ <i>Pham Cao Cuong</i>			Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0,00%	
2.29	Phạm Gia Hưng/ <i>Pham Gia Hung</i>			Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	
2.30	Phạm Danh Cường/ <i>Pham Danh Cuong</i>			Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>
2.31	Phạm Lê Đức Anh/ <i>Pham Le Duc Anh</i>			Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.32	Phạm Quỳnh Trang/ <i>Pham Quynh Trang</i>			Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0,00%	
3	Nguyễn Trí Trung/ <i>Nguyen Tri Trung</i>		Thành viên Hội đồng quản trị/ <i>Member of the BOD</i>	Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.01	Võ Thị Minh/ <i>Vo Thi Minh</i>		Không có/ <i>None</i>	Vợ/ <i>Wife</i>					0	0%	
3.02	Nguyễn Trung Thành/ <i>Nguyen Trung Thanh</i>		Không có/ <i>None</i>	Cha đẻ/ <i>Father</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.03	Lê Thị Mai/ <i>Le Thi Mai</i>		Không có/ <i>None</i>	Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					0	0%	
3.04	Võ Quang Hưng/ <i>Vo Quang Hung</i>		Không có/ <i>None</i>	Cha vợ/ <i>Father-in law</i>					0	0%	
3.05	Hoàng Thị Lợi/ <i>Hoang Thi Loi</i>		Không có/ <i>None</i>	Mẹ vợ/ <i>Mother-in law</i>					0	0%	
3.06	Nguyễn Trung Quân/ <i>Nguyen Trung Quan</i>		Không có/ <i>None</i>	Con đẻ/ <i>Son</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.07	Nguyễn Trung Hiệu/ <i>Nguyen Trung Hieu</i>		Không có/ <i>None</i>	Con đẻ / <i>Son</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.08	Nguyễn Trung Dũng/ <i>Nguyen Trung Dung</i>		Không có/ <i>None</i>	Anh trai/ <i>Brother</i>					0	0%	
3.09	Nguyễn Trung Kiên/ <i>Nguyen Trung Kien</i>		Không có/ <i>None</i>	Em trai/ <i>Brother</i>					0	0%	
3.10	Võ Thị Hoàng Anh/ <i>Vo Thi Hoang Anh</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị vợ/ <i>Elder sister-in law</i>					0	0%	
3.11	Võ Thị Thanh/ <i>Vo Thi Thanh</i>		Không có/ <i>None</i>	Em vợ/ <i>Sister-in law</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.12	Võ Thị Hoàng Thủy/ <i>Vo Thi Hoang Thuy</i>		Không có/ <i>None</i>	Em vợ/ <i>Sister-in law</i>					0	0%	
3.13	Lê Thị Phương/ <i>Le Thi Phuong</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị dâu/ <i>Elder sister-in law</i>					0	0%	
3.14	Phạm Thị Lan Anh/ <i>Pham Thi Lan Anh</i>		Không có/ <i>None</i>	Em dâu/ <i>Sister-in law</i>					0	0%	
3.15	Nguyễn Trung Đức/ <i>Nguyen Trung Duc</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.16	Nguyễn Thanh Hà/ <i>Nguyen Thanh Ha</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0%	
3.17	Nguyễn Huyền Thu/ <i>Nguyen Huyen Thu</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0%	
3.18	Nguyễn Văn Khánh/ <i>Nguyen Van Khanh</i>		-	Bác ruột/ <i>Uncle</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
3.19	Nguyễn Thị Côi/ <i>Nguyen Thi Coi</i>		Không có/ <i>None</i>	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.20	Nguyễn Văn Lu/ <i>Nguyen Van Lu</i>		-	Ông nội/ <i>Paternal grandfather</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
3.21	Phạm Thị Huệ/ <i>Phan Thi Hue</i>		-	Bà nội/ <i>Paternal grandmother</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
3.22	Lê Xuân Hải/ <i>Le Xuan Hai</i>		-	Ông ngoại/ <i>Maternal grandfather</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
3.23	Lương Thị Thú/ <i>Luong Thi Thu</i>		-	Bà ngoại/ <i>Maternal grandmother</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4	Nguyễn Trọng Hiền/ <i>Nguyen Trong Hien</i>		Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ <i>Independent Member of the BOD</i>	Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>					0	0%	
4.01	Trần Thị Thu Hà/ <i>Tran Thi Thu Ha</i>		Không có/ <i>None</i>	Vợ/ <i>Wife</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.02	Bùi Thị Xuân/ <i>Bui Thi Xuan</i>		Không có/ <i>None</i>	Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					0	0%	
4.03	Nguyễn Trọng Thu/ <i>Nguyen Trong Thu</i>		Không có/ <i>None</i>	Cha đẻ/ <i>Father</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.04	Trần Đình Tình/ <i>Tran Dinh Tinh</i>		Không có/ <i>None</i>	Cha vợ/ <i>Father-in law</i>					0	0%	
4.05	Lê Thị Viêm/ <i>Le Thi Viem</i>		Không có/ <i>None</i>	Mẹ vợ/ <i>Mother-in law</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4.06	Nguyễn Trà My/ <i>Nguyen Tra My</i>		Không có/ <i>None</i>	Con ruột/ <i>Daughter</i>					0	0%	
4.07	Nguyễn Trà Giang/ <i>Nguyen Tra Giang</i>		Không có/ <i>None</i>	Con ruột/ <i>Daughter</i>					0	0%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>
4.08	Nguyễn Trọng Danh/ <i>Nguyen Trong Danh</i>		Không có/ <i>None</i>	Con đẻ/ <i>Son</i>					0	0%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>
4.09	Nguyễn Thị Phương Thảo/ <i>Nguyen Thi Phuong Thao</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị ruột/ <i>Elder sister</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.10	Nguyễn Thị Thanh Lương/ Nguyen Thi Thanh Luong		Không có/ None	Em gái/ Sister					0	0%	
4.11	Lê Khánh Tân/ Le Khanh Tan		Không có/ None	Anh rể/ Brother in law					0	0%	
4.12	Nguyễn Hoài Bắc/ <i>Nguyen Hoai Bac</i>		Không có/ None	Em rể/ Brother in law					0	0%	
4.13	Trần Thị Vân/ Tran Thi Van		Không có/ None	Chị vợ/ Sister in law					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.14	Trần Đình Vũ/ Tran Dinh Vu		Không có/ None	Anh vợ/ Brother in law					0	0%	
4.15	Nguyễn Văn Tuấn Kiệt/ Nguyen Van Tuan Kiet		Không có/ None	Cháu ruột/ Nephew					0	0%	
4.16	Lê Quang Đạo/ Le Quang Dao		Không có/ None	Cháu ruột/ Nephew					0	0%	
4.17	Lê Nguyễn Cẩm Linh/ Le Nguyen Cam Linh		Không có/ None	Cháu ruột/ Niece					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.18	Nguyễn Khải/ <i>Nguyen Khai</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0%	
4.19	Bùi Thị Liệu/ <i>Bui Thi Lieu</i>		Không có/ <i>None</i>	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0%	
4.20	Bùi Thị Hoa/ <i>Bui Thi Hoa</i>		Không có/ <i>None</i>	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0%	
4.21	Bùi Đình Cúc/ <i>Bui Dinh Cuc</i>		Không có/ <i>None</i>	Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.22	Nguyễn Trọng Khoa/ <i>Nguyen Trong Khoa</i>		Không có/ None	Ông nội/ <i>Paternal grandfather</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.23	Nguyễn Thị Trinh/ <i>Nguyen Thi Trinh</i>		Không có/ None	Bà nội/ <i>Paternal grandmother</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.24	Bùi Đình Nghi/ <i>Bui Dinh Nghi</i>		Không có/ None	Ông ngoại/ <i>Maternal grandfather</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.25	Bà Đệ/ <i>Ba De</i>		Không có/ None	Bà ngoại/ <i>Maternal grandmother</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
5	Ho Poh Wah		Thành viên độc lập HĐQT/ Independent member of the BOD	Người nội bộ/ Internal Person					0	0%	
5.01	Clara Chan Lye Boon		Không có/ None	Vợ/ Wife					0	0%	
5.02	Angeli Ca Ho Mun Ci		Không có/ None	Con gái/ Daughter					0	0%	
5.03	Olivia Ho Min Wei		Không có/ None	Con gái/ Daughter					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
5.04	Tan Ngee Wee Ervin		Không có/ None	Con rể/ Son-in-law					0	0%	
5.05	Ho Siew Lan		Không có/ None	Chị gái/ Sister					0	0%	
5.06	Chua Kean Chye		Không có/ None	Anh rể/ Brother-in-law					0	0%	
5.07	Tan Ah Moi		Không có/ None	Mẹ/ Mother					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
5.08	Ho Seng Hock		Không có/ None	Bố/ Father					0	0%	
5.09	Chua Pei Lin Trixie		Không có/ None	Cháu gái/ Niece					0	0%	
5.10	Chua Pei Shan Alisa		Không có/ None	Cháu gái/ Niece					0	0%	
5.11	Chua Yi-Da Brian		Không có/ None	Cháu trai/ Nephew					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
5.12	Chua Pei Jing Joy		Không có/ None	Cháu gái/ Niece					0	0%	
5.13	Emperador Inc		Không có/ None	Tổ chức nơi người khai là thành viên hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban Rủi ro và Kiểm toán, Ủy ban Quản trị doanh nghiệp/ Organization in which the declarant is a board member and member Risk and Audit, Corporate Governance Committee					0	0%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
5.14	Chan Hong Pak		-	Bố vợ/ Father-in-law					-	-	
5.15	Leong Yeet Ho		-	Mẹ/ Mother-in-law					-	-	
II.	BAN KIỂM SOÁT/ SUPERVISORY BOARD										
1	Trần Thị Minh Lý / Tran Thi Minh Ly		Trưởng BKS/ Chief Supervisor	Người nội bộ/ Internal Person					1	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.1	Lê Văn Tám / <i>Le Van Tam</i>		Không có/ <i>None</i>	Chồng/ <i>Husband</i>					0	0.00%	
1.2	Lê Trung Nam / <i>Le Trung Nam</i>		Không có/ <i>None</i>	Con/ <i>Son</i>					0	0.00%	
1.3	Lê Thị Tường Vy / <i>Le Thi Tuong Vy</i>		Không có/ <i>None</i>	Con/ <i>Daughter</i>					0	0.00%	
1.4	Trần Văn Thành / <i>Tran Van Thanh</i>		-	Ông nội/ <i>Paternal grandfather</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.5	Võ Thị Như / Vo Thi Nhu		-	Bà nội/ Paternal grandmother					-	-	Đã mất/ Deceased
1.6	Nguyễn Văn Khoái / Nguyen Van Khoai		-	Ông ngoại/ Maternal grandfather					-	-	Đã mất/ Deceased
1.7	Nguyễn Thị Cảnh / Nguyen Thi Canh		-	Bà ngoại/ Maternal grandmother					-	-	Đã mất/ Deceased
1.8	Trần Tấn Phát / Tran Tan Phat		-	Cha ruột / Father					-	-	Đã mất/ Deceased
1.9	Nguyễn Thị Bạch / Nguyen Thi Bach		-	Mẹ ruột/ Mother					-	-	Đã mất/ Deceased
1.10	Lê Văn Truyền / Le Van Truyen		-	Cha chồng/ Father-in law					-	-	Đã mất/ Deceased
1.11	Nguyễn Thị Xuân Hương /		-	Mẹ chồng/ Mother-in law					-	-	Đã mất/ Deceased



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
	Nguyen Thi Xuan Huong										
1.12	Trần Thị Kim Oanh / <i>Tran Thi Kim Oanh</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị ruột/ <i>Elder sister</i>					0	0.00%	
1.13	Trần Bích Vân / <i>Tran Bích Van</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị ruột/ <i>Elder sister</i>					0	0.00%	
1.14	Phạm Việt Hùng / <i>Pham Viet Hung</i>		-	Anh rể/ <i>Elder brother-in law</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.15	Trần Minh Quang / <i>Tran Minh Quang</i>		Không có/ <i>None</i>	Anh ruột/ <i>Elder brother</i>					0	0.00%	
1.16	Châu Thị Lệ / <i>Chau Thi Le</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị dâu/ <i>Elder sister-in law</i>					0	0.00%	
1.17	Trần Thị Mộng Linh / <i>Tran Thi Mong Linh</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị ruột/ <i>Elder sister</i>					0	0.00%	
1.18	Trần Minh Triết / <i>Tran Minh Triet</i>		Không có/ <i>None</i>	Anh ruột/ <i>Elder brother</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.19	Võ Thị Thanh Hằng / <i>Vo Thi Thanh Hang</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị dâu/ <i>Elder sister-in law</i>					0	0.00%	
1.20	Lê Văn Đệ / <i>Le Van De</i>		Không có/ <i>None</i>	Anh chồng/ <i>Elder brother-in law</i>					0	0.00%	
1.21	Lê Văn Chi / <i>Le Van Chi</i>		Không có/ <i>None</i>	Anh chồng/ <i>Elder brother-in law</i>					0	0.00%	
1.22	Lê Thị Tuyết / <i>Le Thi Tuyen</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị chồng/ <i>Elder sister-in law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.23	Lê Văn Phong / <i>Le Van Phong</i>		Không có/ <i>None</i>	Anh chồng/ <i>Elder brother-in law</i>					0	0.00%	
1.24	Lê Thị Cẩm / <i>Le Thi Cam</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị chồng/ <i>Elder sister-in law</i>					0	0.00%	
1.25	Lê Thị Hòa Lan / <i>Le Thi Hoa Lan</i>		Không có/ <i>None</i>	Em chồng/ <i>Sister-in law</i>					0	0.00%	
1.26	Lê Thị Hòa My / <i>Le Thi Hoa My</i>		-	Em chồng/ <i>Sister-in law</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.27	Trần Văn Sung / <i>Tran Van Sung</i>		-	Bác ruột/ <i>Uncle</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.28	Trần Thị Hương / <i>Tran Thi Huong</i>		Không có/ <i>None</i>	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
1.29	Nguyễn Thị Kê / <i>Nguyen Thi Ke</i>		-	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.30	Nguyễn Thị Búp / <i>Nguyen Thi Bup</i>		-	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.31	Nguyễn Thị Tranh / <i>Nguyen Thi Tranh</i>		Không có/ <i>None</i>	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.32	Nguyễn Thị Cúc / <i>Nguyen Thi Cuc</i>		Không có/ <i>None</i>	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
1.33	Nguyễn Thành Long / <i>Nguyen Thanh Long</i>		Không có/ <i>None</i>	Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
1.34	Trần Thị Hồng Anh / <i>Tran Thi Hong Anh</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0.00%	
1.35	Trần Thùy Dương / <i>Tran Thuy Duong</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.36	Trần Đăng Khoa / <i>Tran Dang Khoa</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
1.37	Trần Minh Hoàng / <i>Tran Minh Hoang</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
1.38	Trần Gia Bảo / <i>Tran Gia Bao</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					-	-	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>
1.39	Phạm Hồng Phúc / <i>Pham Hong Phuc</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2	Đỗ Thị Túy Phương/ <i>Do Thi Tuy Phuong</i>		Thành viên Ban kiểm soát/ <i>Member of the SB</i>	Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>					0	0.00%	
2.1	Đỗ Nguyễn Tuệ Anh/ <i>Do Nguyen Tue Anh</i>		Không có/ <i>None</i>	Con đẻ/ <i>Daughter</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.2	Đỗ Văn Đức/ Do Van Duc		Không có/ None	Cha đẻ/ Father					0	0.00%	
2.3	Nguyễn Thị Quận/ Nguyen Thi Quan		Không có/ None	Mẹ đẻ/ Mother					0	0.00%	
2.4	Nguyễn Đình Diệt/ Nguyen Dinh Diet		-	Ông ngoại/ Maternal grandfather					-	-	Đã mất/ Deceased
2.5	Trương Thị Đơn/ Truong Thi Don		-	Bà ngoại/ Maternal grandmother					-	-	Đã mất/ Deceased
2.6	Nguyễn Đình Quan/ Nguyen Dinh Quan		-	Cậu ruột/ Uncle					-	-	Đã mất/ Deceased



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.7	Nguyễn Đình Trường/ Nguyen Dinh Truong		Không có/ None	Cậu ruột/ Uncle					0	0.00%	
2.8	Đỗ Văn Mai/ Do Van Mai		-	Ông nội/ Paternal grandfather					-	-	Đã mất/ Deceased
2.9	Võ Thị Ai/ Vo Thi Ai		-	Bà nội/ Paternal grandmother					-	-	Đã mất/ Deceased
2.10	Đỗ Thị Ngân/ Do Thi Ngan		-	Cô ruột/ Aunt					-	-	Đã mất/ Deceased
2.11	Đỗ Văn Được/ Do Van Duoc		Không có/ None	Chú ruột/ Uncle					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.12	Đỗ Văn Tiến/ <i>Do Van Tien</i>		Không có/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
2.13	Đỗ Thị Kìa/ <i>Do Thi Kìa</i>		Không có/ <i>None</i>	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
2.14	Đỗ Thị Bé/ <i>Do Thi Be</i>		-	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.15	Đỗ Văn Đễ/ <i>Do Van De</i>		Không có/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.16	Đỗ Thị Thanh Lan/ <i>Do Thi Thanh Lan</i>		Không có/ <i>None</i>	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
3	Lưu Thúy Lan/ <i>Luu Thuy Lan</i>		Thành viên Ban kiểm soát/ <i>Member of the SB</i>	Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>					0	0.00%	
3.1	Ngô Phúc Quân/ <i>Ngo Phuc Quan</i>		Không/ <i>None</i>	Chồng/ <i>Husband</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.2	Ngô Phúc Bảo Hân/ <i>Ngo Phuc Bao Han</i>		Không/ <i>None</i>	Con ruột/ <i>Daughter</i>					0	0.00%	
3.3	Ngô Phúc Hy/ <i>Ngo Phuc Hy</i>		Không/ <i>None</i>	Con ruột/ <i>Son</i>					0	0.00%	
3.4	Lưu Đình Pha/ <i>Luu Dinh Pha</i>		Không/ <i>None</i>	Ông nội/ <i>Paternal grandfather</i>					0	0.00%	Đã mất / <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.5	Lê Thị Long/ Le Thi Long		Không/ None	Bà nội/ Paternal grandmother					0	0.00%	Đã mất / Deceased
3.6	Nguyễn Quang Kinh/ Nguyen Quang Kinh		Không/ None	Ông ngoại/ Maternal grandfather					0	0.00%	Đã mất / Deceased
3.7	Hà Thị Hải/ Ha Thi Hai		Không/ None	Bà ngoại/ Maternal grandmother					0	0.00%	Đã mất / Deceased
3.8	Lưu Đình Lâm/ Luu Dinh Lam		Không/ None	Cha ruột/ Father					0	0.00%	
3.9	Nguyễn Thị Thúy/ Nguyen Thi Thuy		Không/ None	Mẹ ruột/ Mother					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.10	Ngô Đình Phúc/ <i>Ngo Dinh Phuc</i>		Không/ <i>None</i>	Cha chồng/ <i>Father-in-law</i>					0	0.00%	
3.11	Phan Thị Liên/ <i>Phan Thi Lien</i>		Không/ <i>None</i>	Mẹ chồng/ <i>Mother-in-law</i>					0	0.00%	
3.12	Lưu Thị Bích Huê/ <i>Luu Thi Bich Hue</i>		Không/ <i>None</i>	Em ruột/ <i>Sister</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.13	Phan Thanh Kiên/ <i>Phan Thanh Kien</i>		Không/ <i>None</i>	Em rể/ <i>Brother- in-law</i>					0	0.00%	
3.14	Phan Gia Huy/ <i>Phan Gia Huy</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
3.15	Ngô Phúc Thăng/ <i>Ngo Phuc Thang</i>		Không/ <i>None</i>	Anh chồng/ <i>Brother-in-law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.16	Trương Thanh Cầm Tú/ <i>Truong Thanh Cam Tu</i>		Không/ <i>None</i>	Chị dâu/ <i>Sister- in-law</i>					0	0.00%	
3.17	Ngô Phúc Tiến/ <i>Ngo Phuc Tien</i>		Không/ <i>None</i>	Anh chồng/ <i>Brother-in-law</i>					0	0.00%	
3.18	Lưu Thị Tươi/ <i>Luu Thi Tươi</i>		Không/ <i>None</i>	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.19	Lưu Thị Lanh/ <i>Luu Thi Lanh</i>		Không/ <i>None</i>	Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
3.20	Lưu Đình Ca/ <i>Luu Dinh Ca</i>		Không/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	Đã mất / <i>Deceased</i>
3.21	Lưu Trường Sơn/ <i>Luu Truong Son</i>		Không/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
3.22	Nguyễn Quang Trọng/ <i>Nguyen Quang Trong</i>		Không/ <i>None</i>	Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.23	Nguyễn Quang Doanh/ Nguyen Quang Doanh		Không/ None	Bác ruột/ Uncle					0	0.00%	
3.24	Nguyễn Quang Sứ/ Nguyen Quang Su		Không/ None	Cậu ruột/ Uncle					0	0.00%	
3.25	Nguyễn Quang Sứ/ Nguyen Quang Su		Không/ None	Cậu ruột/ Uncle					0	0.00%	
3.26	Nguyễn Quang Phi/ Nguyen Quang Phi		Không/ None	Cậu ruột/ Uncle					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4	Phạm Thị Hồng Thu/ <i>Pham Thi Hong Thu</i>		Thành viên Ban kiểm soát/ <i>Member of the SB</i>	Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>					9.040	0,00%	
4.1	Phạm Đình Bạch/ <i>Pham Dinh Bach</i>		Không/ <i>None</i>	Cha đẻ/ <i>Father</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.2	Cái Thị Hồng Thuý/ <i>Cai Thi Hong Thuy</i>			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>							Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.3	Phạm Thị Hồng Thảo/ <i>Pham Thi Hong Thao</i>		Không/ <i>None</i>	Chị gái/ <i>Sister</i>					0	0.00%	
4.4	Lê Phan Khánh Hoà/ <i>Le Phan Khanh Hoa</i>		Không/ <i>None</i>	Anh rể/ <i>Brother in law</i>					0	0.00%	
4.5	Lê Thụy Uyên Vi/ <i>Le Thuy Uyen Vi</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4.6	Lê Vĩnh Thụy/ <i>Le Vinh Thuy</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
4.7	Phạm Đình Thông/ <i>Pham Dinh Thong</i>		Không/ <i>None</i>	Anh ruột/ <i>Elder brother</i>					0	0.00%	
4.8	Trần Thị Diễm Kiều/ <i>Tran Thi Diem Kieu</i>		Không/ <i>None</i>	Chị dâu/ <i>Sister in law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.9	Phạm Minh Khang/ <i>Pham Minh Khang</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
4.10	Phạm Bảo Nghị/ <i>Pham Bao Nghi</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0.00%	
4.11	Phạm Bảo Quyên/ <i>Pham Bao Quyen</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0.00%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4.12	Phạm Thị Hồng Thư/ <i>Pham Thi Hong Thu</i>		Không/ <i>None</i>	Chị gái/ <i>Sister</i>					0	0.00%	
4.13	Trần Văn Hạnh/ <i>Tran Van Hanh</i>		Không/ <i>None</i>	Anh rể/ <i>Brother in law</i>					0	0.00%	
4.14	Trần Khánh Hà/ <i>Tran Khanh Ha</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0.00%	
4.15	Trần Khánh An/ <i>Tran Khanh An</i>		Không/ <i>None</i>	Cháu ruột/ <i>Niece</i>					0	0.00%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.16	Phạm Đình Thê/ <i>Pham Dinh The</i>		Không/ <i>None</i>	Anh ruột/ <i>Elder brother</i>					0	0.00%	
4.17	Phạm Đình Thông/ <i>Pham Dinh Thong</i>		Không/ <i>None</i>	Em ruột/ <i>Younger sibling</i>					0	0.00%	
4.18	Phạm Đình Thi/ <i>Pham Dinh Thi</i>			Ông nội/ <i>Grandfather</i>					-	-	Đã mất / <i>Deceased</i>
4.19	Nguyễn Thị Rường/ <i>Nguyen Thi Ruong</i>			Bà nội/ <i>Grandmother</i>					-	-	Đã mất / <i>Deceased</i>
4.20	Cái Viết Thái/ <i>Cai Viet Thai</i>			Ông ngoại/ <i>Grandfather</i>					-	-	Đã mất / <i>Deceased</i>
4.21	Cái Thị Giáo/ <i>Cai Thi Giao</i>			Bà ngoại/ <i>Grandmother</i>					-	-	Đã mất / <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4.22	Phạm Đình Minh/ <i>Pham Dinh Minh</i>		Không/ <i>None</i>	Bác ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
4.23	Phạm Đình Dương/ <i>Pham Dinh Duong</i>		Không/ <i>None</i>	Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
4.24	Cái Minh Tâm/ <i>Cai Minh Tam</i>		Không/ <i>None</i>	Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
4.25	Cái Thị Hồng Lê/ <i>Cai Thi Hong Le</i>		Không/ <i>None</i>	Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.26	Cái Minh Đức/ <i>Cai Minh Duc</i>		Không/ <i>None</i>	Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
4.27	Cái Minh Hoàng/ <i>Cai Minh Hoang</i>		Không/ <i>None</i>	Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
III.	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ <i>BOARD OF MANAGEMENT</i>										
1	Trần Tấn Lộc/ <i>Tran Tan Loc</i>		Quyền Tổng giám đốc/ <i>Acting CEO</i>	Người nội bộ/ <i>Internal Person</i>					0	0.00%	
1.1	Trần Văn Tấn/ <i>Tran Van Tan</i>			Cha/ <i>Father</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.2	Nguyễn Lê Hồng/ <i>Nguyen Le Hong</i>			Mẹ/ <i>Mother</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.3	Hồ Thiên Nga/ <i>Ho Thien Nga</i>			Vợ/ <i>Wife</i>					0	0.00%	
1.4	Hồ Văn Tấn/ <i>Ho Van Tan</i>			Bố vợ/ <i>Father-in-law</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.5	Nguyễn Cửu Hào Thành/ <i>Nguyen Cuu Hao Thanh</i>			Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.6	Trần Hồ Thiên Ngân/ <i>Tran Ho Thien Ngan</i>			Con/ <i>Daughter</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.7	Trần Hồ Anh Phú/ <i>Tran Ho Anh Phu</i>			Con/ Son					0	0.00%	
1.8	Trần Tấn Phúc/ <i>Tran Tan Phuc</i>			Anh/ Brother					0	0.00%	
1.9	Trần Hồng Thắm/ <i>Tran Hong Tham</i>			Chị ruột/ Sister					0	0.00%	
1.10	Lê Bích Liên/ <i>Le Bich Lien</i>			Chị dâu/ Sister-in-law					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.11	Dương Tàng Trước/ <i>Duong Tang Tuoc</i>			Anh rể/ <i>Brother-in-law</i>					0	0.00%	
1.12	Nguyễn Văn Tân/ <i>Nguyen Van Tan</i>			Ông nội/ <i>Paternal Grandfather</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.13	Trần Thị Huệ/ <i>Tran Thi Hue</i>			Bà nội/ <i>Paternal Grandma</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.14	Trần Văn Tài/ <i>Tran Van Tai</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
1.15	Trần Thị Năm/ <i>Tran Thi Nam</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.16	Nguyễn Văn Rùm/ <i>Nguyen Van Rum</i>			Ông ngoại/ <i>Maternal Grandfather</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.17	Nguyễn Thị Trước/ <i>Nguyen Thi Truoc</i>			Bà ngoại/ <i>Maternal Grandma</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.18	Nguyễn Thanh Nhân/ <i>Nguyen Thanh Nhan</i>			Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.19	Nguyễn Anh Quân/ <i>Nguyen Anh Quan</i>			Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
1.20	Nguyễn Anh Hoàng/ <i>Nguyen Anh Hoang</i>			Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
1.21	Nguyễn Ngọc Loan/ <i>Nguyen Ngoc Loan</i>			Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
1.22	Nguyễn Ngọc Phượng/ <i>Nguyen Ngoc Phuong</i>			Dì ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
1.23	Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế cảng - Kỹ thuật biển/ <i>Portcoast Consultant Corporation</i>			Ông Trần Tấn Phúc (anh trai của ông Trần Tấn Lộc) là Chủ tịch Hội đồng Quản trị./ <i>Mr. Tran Tan Phuc (Mr. Tran Tan Loc's older brother) is the Chairman of the Board of Directors.</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.0	Nguyễn Hường Minh/ Nguyen Huong Minh		Phó Tổng Giám đốc/ Deputy CEO	Người nội bộ/ Internal Person					0	0.00%	
2.1	Nguyễn Thi/ Nguyen Thi			Cha ruột/ Father					0	0,00%	Đã mất/ Deceased
2.2	Phan Khánh Vân/ Phan Khanh Van			Mẹ ruột/ Mother					0	0,00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.3	Trần Chi Mai/ <i>Tran Chi Mai</i>			Vợ/ <i>Wife</i>					0	0.00%	
2.4	Trần Quốc Thái/ <i>Tran Quoc Thai</i>			Cha vợ/ <i>Father-in-law</i>					0	0.00%	
2.5	Nguyễn Ánh Tuyết/ <i>Nguyen Anh Tuyet</i>			Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.6	Nguyễn Trần Tuệ Anh/ <i>Nguyen Tran Tue Anh</i>			Con ruột / <i>children</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.7	Nguyễn Lâm/ Nguyen Lam			Con ruột / children					0	0.00%	Còn nhỏ/ Minor
2.8	Nguyễn Thị Hải Đường/ Nguyen Thi Hai Duong			Chị / Sister					0	0.00%	
2.9	Lều Thọ Tùng/ Leu Tho Tung			Cháu ruột/ Nephew					0	0.00%	
2.10	Lều Thọ Minh Đức/ Leu Tho Minh Duc			Cháu ruột/ Nephew					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.11	Nguyễn Nguyên Tú/ <i>Nguyen Nguyen Tu</i>			Em trai/ <i>Brother</i>					0	0.00%	
2.12	Nguyễn Việt Dũng/ <i>Nguyen Viet Dung</i>			Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
2.13	Nguyễn Khôi Nguyên/ <i>Nguyen Khoi Nguyen</i>			Cháu ruột/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
2.14	Trần Thu Hương/ <i>Tran Thu Huong</i>			Chị vợ/ <i>Sister-in-law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
2.15	Trần Thị Phương Thảo/ Tran Thi Phuong Thao			Chị vợ/ Sister-in-law					0	0.00%	
2.16	Trần Anh Mai/ Tran Anh Mai			Chị vợ/ Sister-in-law					2	0.00%	
2.17	Phan Minh Thung/ Phan Minh Thung			Ông ngoại/ Maternal Grandfather					0	0.00%	Đã mất/ Deceased
2.18	Trần Thị Trinh/ Tran Thi Trinh			Bà Ngoại/ Maternal Grandma					0	0.00%	Đã mất/ Deceased
2.19	Phan Thuý Mai/ Phan Thuy Mai			Bác ruột/ Uncle					0	0.00%	
2.20	Phan Yên Chi/ Phan Yen Chi			Bác ruột/ Uncle					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.21	Phan Diên Hồng/ <i>Phan Dien Hong</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
2.22	Phan Diệu Chương/ <i>Phan Dieu Chuong</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.23	Phan Minh Ánh Nguyệt/ <i>Phan Minh Anh Nguyet</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.24	Phan Minh Hoàng/ <i>Phan Minh Hoang</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
2.25	Phan Ánh Tuyết/ <i>Phan Anh Tuyet</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
2.26	Phan Minh Oanh Oanh/ <i>Phan Minh Oanh Oanh</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
2.27	Phan Minh Tú Quên/ <i>Phan Minh Tu Quyen</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
2.28	Nguyễn Thước/ <i>Nguyen Thuoc</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
2.29	Nguyễn Chánh/ <i>Nguyen Chanh</i>			Chú ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
2.30	Nguyễn Thị Oanh/ <i>Nguyen Thi Oanh</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
2.31	Nguyễn Thị Yên/ <i>Nguyen Thi Yen</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
2.32	Nguyễn Thị Xoan/ <i>Nguyen Thi Xoan</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3	Nguyễn Văn Hòa/ <i>Nguyen Van Hoa</i>		Phó TGD/ <i>Deputy CEO</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>					0	0.00%	
3.1	Nguyễn Văn Biên/ <i>Nguyen Van Bien</i>			Cha/ <i>Father</i>					0	0.00%	
3.2	Ngô Thị Nhâm/ <i>Ngo Thi Nham</i>			Mẹ/ <i>Mother</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.3	Trần Thị Thúy/ <i>Tran Thi Thuy</i>			Vợ/ <i>Wife</i>					0	0.00%	
3.4	Trần Đình Sân/ <i>Tran Dinh San</i>			Bố vợ/ <i>Father- in-law</i>					0	0.00%	
3.5	Nguyễn Thị Hiên/ <i>Nguyen Thi Hien</i>			Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.6	Trần Hải Thuần/ <i>Tran Hai Thuan</i>			Em vợ/ <i>Sister- in-law</i>					0	0.00%	
3.7	Trần Thị Vân/ <i>Tran Thi Van</i>			Em vợ/ <i>Sister- in-law</i>					0	0.00%	
3.8	Nguyễn Trần Phan Anh/ <i>Nguyen Tran Phan Anh</i>			Con/ <i>Son</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
3.9	Nguyễn Trần Mai Phương/ <i>Nguyen Tran Mai Phuong</i>			Con/ <i>Daughter</i>					0	0.00%	
3.10	Nguyễn Trần Bình An/ <i>Nguyen Tran Binh An</i>			Con/ <i>Daughter</i>					0	0.00%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.11	Nguyễn Thị Nhung Nguyen/ Thi Nhung			Chị/ Sister					0	0.00%	
3.12	Nguyễn Năng Trọng/ Nguyen Nang Trong			Ông nội/ Paternal Grandfather					0	0.00%	Đã mất/ Deceased
3.13	Trần Thị Nhuận/ Tran Thi Nhuan			Bà nội/ Paternal grandmother					0	0.00%	
3.14	Nguyễn Quang Long/ Nguyen Quang Long			Bác ruột/ Uncle					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.15	Nguyễn Thị Dậu/ <i>Nguyen Thi Dau</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
3.16	Nguyễn Thị Phương/ <i>Nguyen Thi Phuong</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
3.17	Nguyễn Thị Qui/ <i>Nguyen Thi Qui</i>			Cô ruột/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	
3.18	Ngô Thế Truy/ <i>Ngo The Truy</i>			Ông ngoại/ <i>Maternal Grandfather</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.19	Nguyễn Thị Nết/ <i>Nguyen Thi Net</i>			Bà ngoại/ <i>Maternal Grandmother</i>					0	0.00%	
3.20	Ngô Thế Tuyên/ <i>Ngo The Tuyen</i>			Bác ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	
3.21	Ngô Chí Thanh/ <i>Ngo Chi Thanh</i>			Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
3.22	Ngô Duy Tiến/ <i>Ngo Duy Tien</i>			Cậu ruột/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
3.23	Đỗ Minh Trí/ Do Minh Tri			Cháu ruột/ Nephew					0	0.00%	
4	Nguyễn Thành Long/ Nguyen Thanh Long		Phó Tổng giám đốc/ Deputy CEO	Người nội bộ/ Internal person					0	0.00%	
4.01	Nguyễn Thị Vân Khanh/ Nguyen Thi Van Khanh		Không có/ None	Vợ/ Wife					0	0.00%	
4.02	Nguyễn Minh Trang/ Nguyen Minh Trang		Không có/ None	Con/ Child					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4.03	Nguyễn Phương Anh/ <i>Nguyen Phuong Anh</i>		Không có/ <i>None</i>	Con/ <i>Child</i>					0	0.00%	
4.04	Nguyễn Luân/ <i>Nguyen Luan</i>			Bố đẻ / <i>Father</i>						0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.05	Nguyễn Thị Hoat/ <i>Nguyen Thi Hoat</i>		Không có/ <i>None</i>	Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					0	0.00%	
4.06	Nguyễn Tiến Đạt/ <i>Nguyen Tien Dat</i>		Không có/ <i>None</i>	Anh trai/ <i>Brother-in-law</i>					0	0.00%	
4.07	Phạm Hồng Vân/ <i>Pham Hong Van</i>		Không có/ <i>None</i>	Chị dâu/ <i>Sister-in-law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4.08	Nguyễn Tiến Đức/ <i>Nguyen Tien Duc</i>		Không có/ <i>None</i>	Cháu/ <i>Nephew</i>					0	0.00%	
4.09	Nguyễn Trọng Khiêm/ <i>Nguyen Trong Khiem</i>			Bố vợ/ <i>Father-in-law</i>						0.00%	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.10	Nguyễn Thị Kim Phi/ <i>Nguyen Thi Kim Phi</i>		Không có/ <i>None</i>	Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i>					0	0.00%	
4.11	Nguyễn Thị Bảo Thu/ <i>Nguyen Thi Bao Thu</i>		Không có/ <i>None</i>	Em vợ/ <i>Sister-in-law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
4.12	Bùi Đức Hiền/ Bui Duc Hien		Không có/ None	Em rể/ Brother-in-law					0	0.00%	
4.13	Nguyễn Thị Phán/ Nguyen Thi Phan		Không có/ None	Dì/ Aunt					0	0.00%	
4.14	Nguyễn Văn Thông/ Nguyen Van Thong		Không có/ None	Cậu/ Uncle					0	0.00%	
4.15	Nguyễn Thị Thiện/ Nguyen Thi Thien		Không có/ None	Dì/ Aunt					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
4.16	Nguyễn Văn Bàng/ <i>Nguyen Van Bang</i>			Ông nội/ <i>Paternal Grandfather</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.17	Trịnh Thị Mit/ <i>Trinh Thi Mit</i>			Bà nội/ <i>Paternal Grandmother</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.18	Nguyễn Văn Xiển/ <i>Nguyen Van Xien</i>			Ông ngoại/ <i>Maternal Grandfather</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.19	Bùi Thị Thóa/ <i>Bui Thi Thoa</i>			Bà ngoại/ <i>Maternal Grandmother</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
4.20	Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội/ <i>SHB Debt Management and Asset Development One Sole Member</i>		Không có/ <i>None</i>	Công ty do vợ là bà Nguyễn Thị Vân Khanh là Giám đốc/ Tổng giám đốc/ <i>A company where his wife, Ms. Nguyễn Thị Vân Khanh, serves as the Director/ Chief</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
	Company Limited			Executive Officer							
IV	KẾ TOÁN TRƯỞNG/ CHIEF ACCOUNTANT										
1	Lã Quang Trung/ <i>La Quang Trung</i>		Kế toán trưởng/ <i>Eximbank Chief accountant</i>	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>					0	0.00%	
1.1	Lã Quang Vị/ <i>La Quang Vi</i>		-	Cha/ <i>Father</i>					0	0.00%	-
1.2	Vũ Thị Phương Tâm/ <i>Vu Thi Phuong Tam</i>		-	Mẹ/ <i>Mother</i>					0	0.00%	-



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.3	Lã Quang Dũng/ <i>La Quang Dung</i>		-	Em/ <i>Brother</i>					0	0.00%	-
1.4	Trần Châu Thụy Hòa/ <i>Tran Chau Thuy Hoa</i>		-	Vợ/ <i>Wife</i>					0	0.00%	-
1.5	Lã Nguyên Chương/ <i>La Nguyen Chuong</i>		-	Con/ <i>children</i>					0	0.00%	-
1.6	Lã Đức Anh/ <i>La Duc Anh</i>		-	Con/ <i>children</i>					0	0.00%	Còn nhỏ Minor



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.7	Châu Thu/ Chau Thu		-	Mẹ vợ/ Mother-in-law					0	0.00%	-
1.8	Trần Châu Thụy Dương/ Tran Chau Thuy Duong		-	Chị vợ/ Sister-in-law					0	0.00%	-
1.9	Trần Châu Thụy An/ Tran Chau Thuy An		-	Em vợ/ Sister-in-law					0	0.00%	-
1.10	Nguyễn Thị Bích Huyền/ Nguyen Thi Bich Huyen		-	Em dâu/ Sister-in-law					0	0.00%	-



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.11	Lã Thị Hồng Điều/ <i>La Thi Hong Dieu</i>		-	Cô/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	-
1.12	Lã Quang Phúc/ <i>La Quang Phuc</i>		-	Bác/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	-
1.13	Lã Thị Hoài/ <i>La Thi Hoai</i>		-	Cô/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	-



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.14	Vũ Kim Chất/ Vu Kim Chat		-	Cậu/ Uncle					0	0.00%	-
1.15	Vũ Thị Kỳ/ Vu Thi Ky		-	Dì/ Aunt					0	0.00%	-
1.16	Vũ Thị Canh/ Vu Thi Canh		-	Dì/ Aunt					0	0.00%	-
1.17	Vũ Thị Vinh/ Vu Thi Vinh		-	Dì/ Aunt					0	0.00%	-



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.18	Vũ Kim Quang/ <i>Vu Kim Quang</i>		-	Cậu/ <i>Uncle</i>					0	0.00%	-
1.19	Vũ Thị Hoa/ <i>Vu Thi Hoa</i>		-	Dì/ <i>Aunt</i>					0	0.00%	-
V.	NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN/ PERSON IN CHARGE OF CORPORATE GOVERNANCE/ AUTHORIZED PERSON FOR INFORMATION DISCLOSURE										
1.0	Nguyễn Văn Thủy/ <i>Nguyen Van Thuy</i>		Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị kiêm Người phụ trách quản trị công	Người nội bộ/ <i>Internal person</i>					151	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
			ty, Người được ủy quyền Công bố thông tin/ <i>The person in charge of corporate governance authorized person for information disclosure</i>								
1.1	Thiệu Thị Minh Thủy/ <i>Thieu Thi Minh Thuy</i>			Vợ/ <i>Wife</i>					0	0.00%	
1.2	Nguyễn Đông Hà/ <i>Nguyen Dong Ha</i>			Con gái/ <i>Daughter</i>					0	0.00%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.3	Nguyễn Đông Phong/ <i>Nguyen Dong Phong</i>			Con trai/ <i>Son</i>					0	0.00%	Còn nhỏ/ <i>Minor</i>
1.4	Nguyễn Lợi/ <i>Nguyen Loi</i>			Bố đẻ/ <i>Father</i>					-	-	Đã mất/ <i>Deceased</i>
1.5	Phan Thị Phương/ <i>Phan Thi Phuong</i>			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>					0	0.00%	
1.6	Thiệu Quang Minh/ <i>Thieu Quang Minh</i>			Bố vợ/ <i>Father-in-law</i>					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.7	Nguyễn Thị Trúc/ <i>Nguyen Thi Truc</i>			Mẹ vợ/ <i>Mother-in-law</i>					0	0.00%	
1.8	Nguyễn Văn Dũng/ <i>Nguyen Van Dung</i>			Anh ruột/ <i>Brother</i>					0	0.00%	
1.9	Nguyễn Thị Ân/ <i>Nguyen Thi An</i>			Chị dâu/ <i>Sister-in-law</i>					0	0.00%	
1.10	Nguyễn Thị Ngọc/ <i>Nguyen Thi Ngoc</i>			Chị ruột/ <i>Sister</i>					-	-	Đã mất <i>Deceased</i>



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ Name of Individual/ Organization	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position in the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ Relationship with the Company/ Internal Person	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration	Ngày cấp/ Issue Date	Nơi cấp/ Place of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Chi chú/ Note
1.11	Hồ Sỹ Chung/ Ho Sy Chung			Anh rể/ Brother-in-law					0	0.00%	
1.12	Nguyễn Văn Hùng/ Nguyen Van Hung			Anh ruột/ Brother					0	0.00%	
1.13	Trương Thị Mỹ Lệ/ Truong Thi My Le			Chị dâu/ Sister-in-law					0	0.00%	
1.14	Nguyễn Thị Thu Sương/ Nguyen Thi Thu Suong			Chị ruột/ Sister					0	0.00%	



STT No.	Tên cá nhân/Tổ chức/ <i>Name of Individual/ Organization</i>	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ <i>Position in the Company (if any)</i>	Mối quan hệ đối với công ty/ Người nội bộ/ <i>Relationship with the Company/ Internal Person</i>	Số căn cước/ CCCD/ Hộ chiếu/ Mã định danh cá nhân/ ĐKKD/ <i>ID Number/ Personal Identification Code/ Passport No./ Business Registration</i>	Ngày cấp/ <i>Issue Date</i>	Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Chi chú/ <i>Note</i>
1.15	Văn Ngọc Vọng/ <i>Van Ngoc Vong</i>			Anh rể/ <i>Brother-in-law</i>					0	0.00%	
1.16	Nguyễn Thị Thu Hằng/ <i>Nguyen Thi Thu Hang</i>			Chị ruột/ <i>Sister</i>					0	0.00%	